

ĐỊA LÍ 8 ÔN TẬP

CHỦ ĐỀ 1,2 (BÀI 1-8)





Lược đồ các châu lục và đại dương



CHƯƠNG XI: CHÂU Á

Bài 1

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN



NỘI DUNG CHÍNH

1. Vị trí địa lí và
kích thước của
châu lục

2. Đặc điểm
địa hình và
khoáng sản





Bài 1

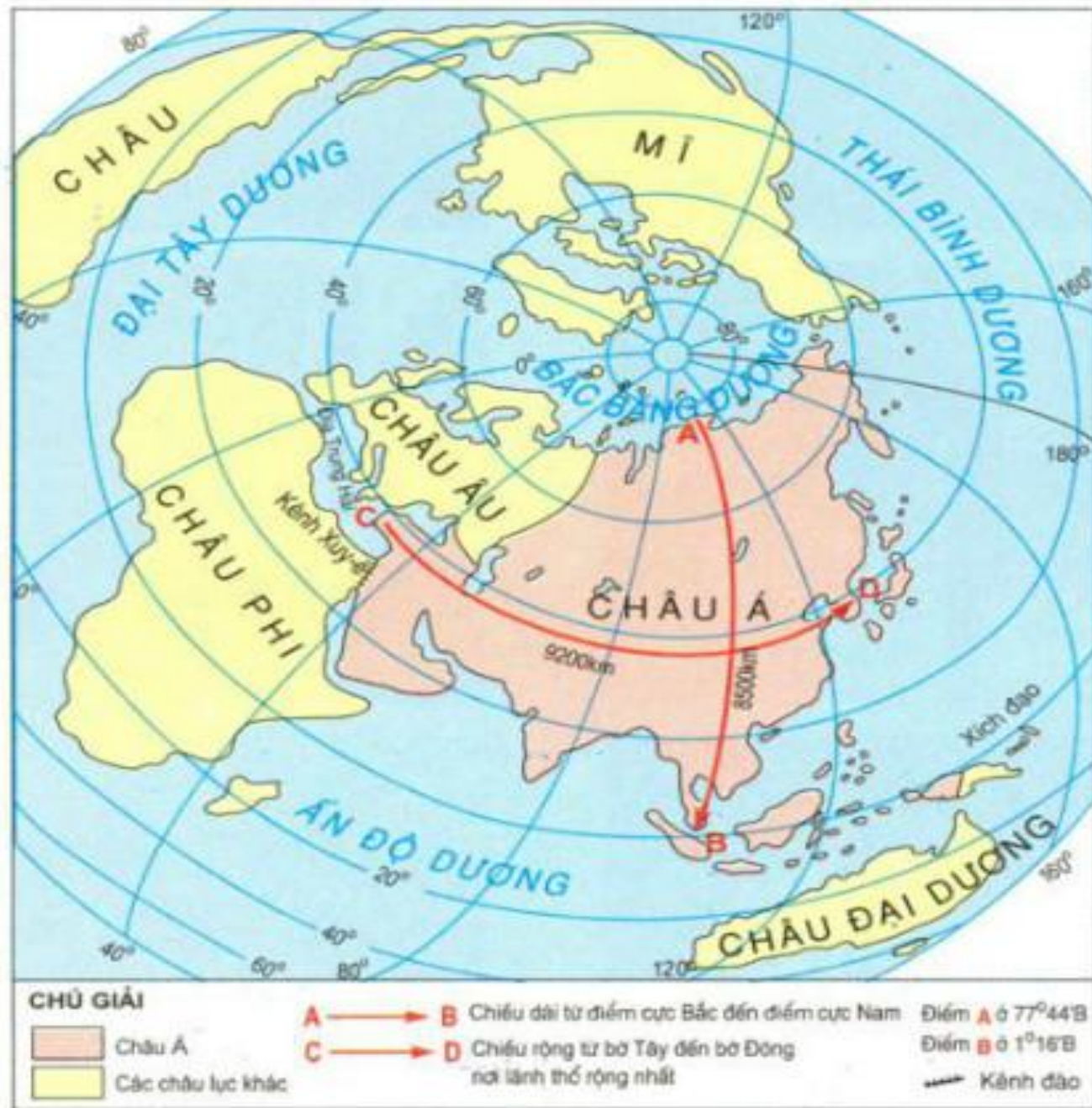
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN

1. Vị trí địa lí và kích thước của châu lục



Châu Á
thuộc lục
địa nào?

Châu Á
thuộc lục
địa Á Âu



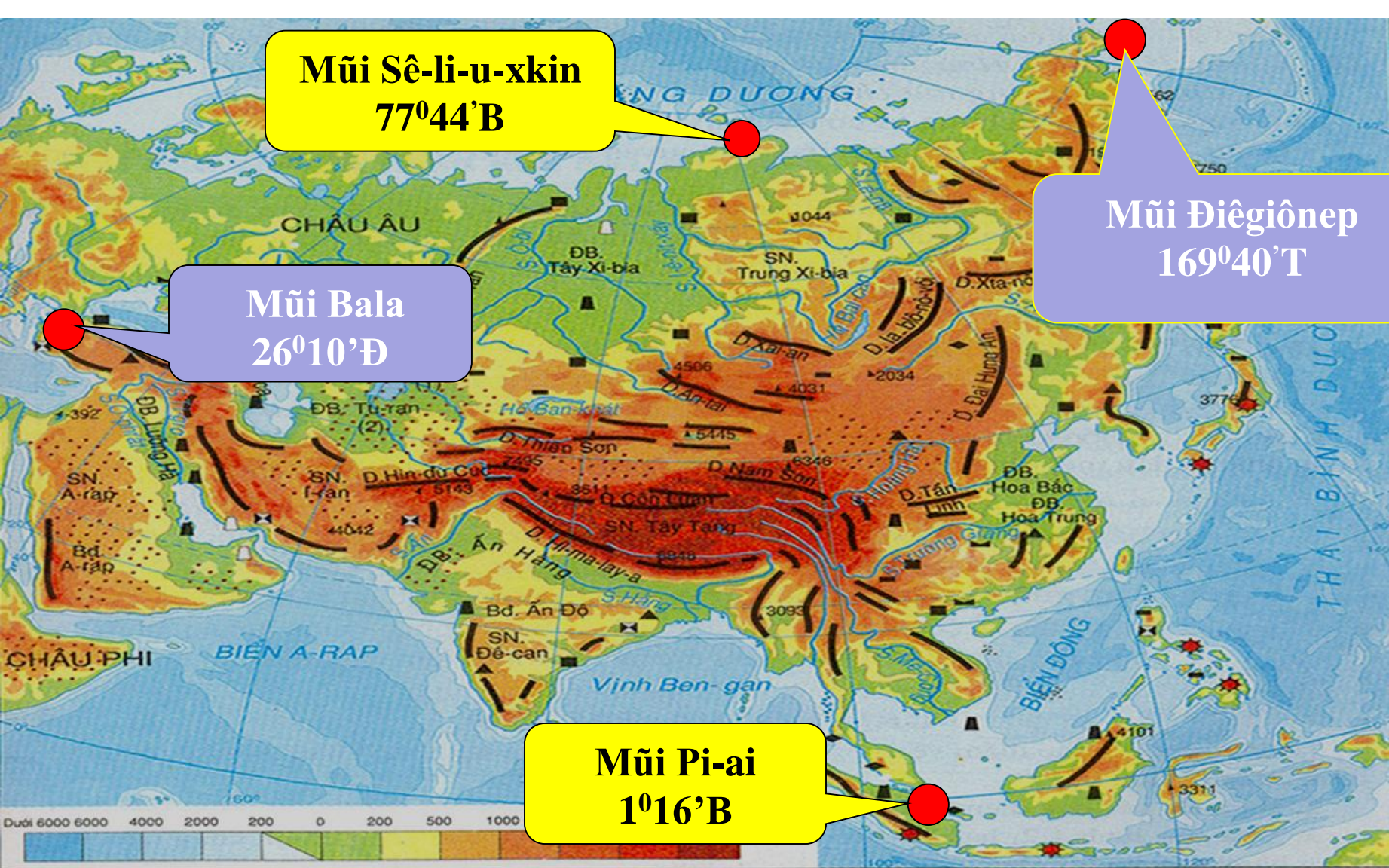
Hình 1.1. Lược đồ vị trí địa lí châu Á trên Địa Cầu

Bài 1

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN

1. Vị trí địa lý và kích thước của châu lục

- Châu Á là một bộ phận của lục địa Á- Âu



Mũi Sê-li-u-xkin
77°44' B

Mũi Điêgiônep
169°40' T

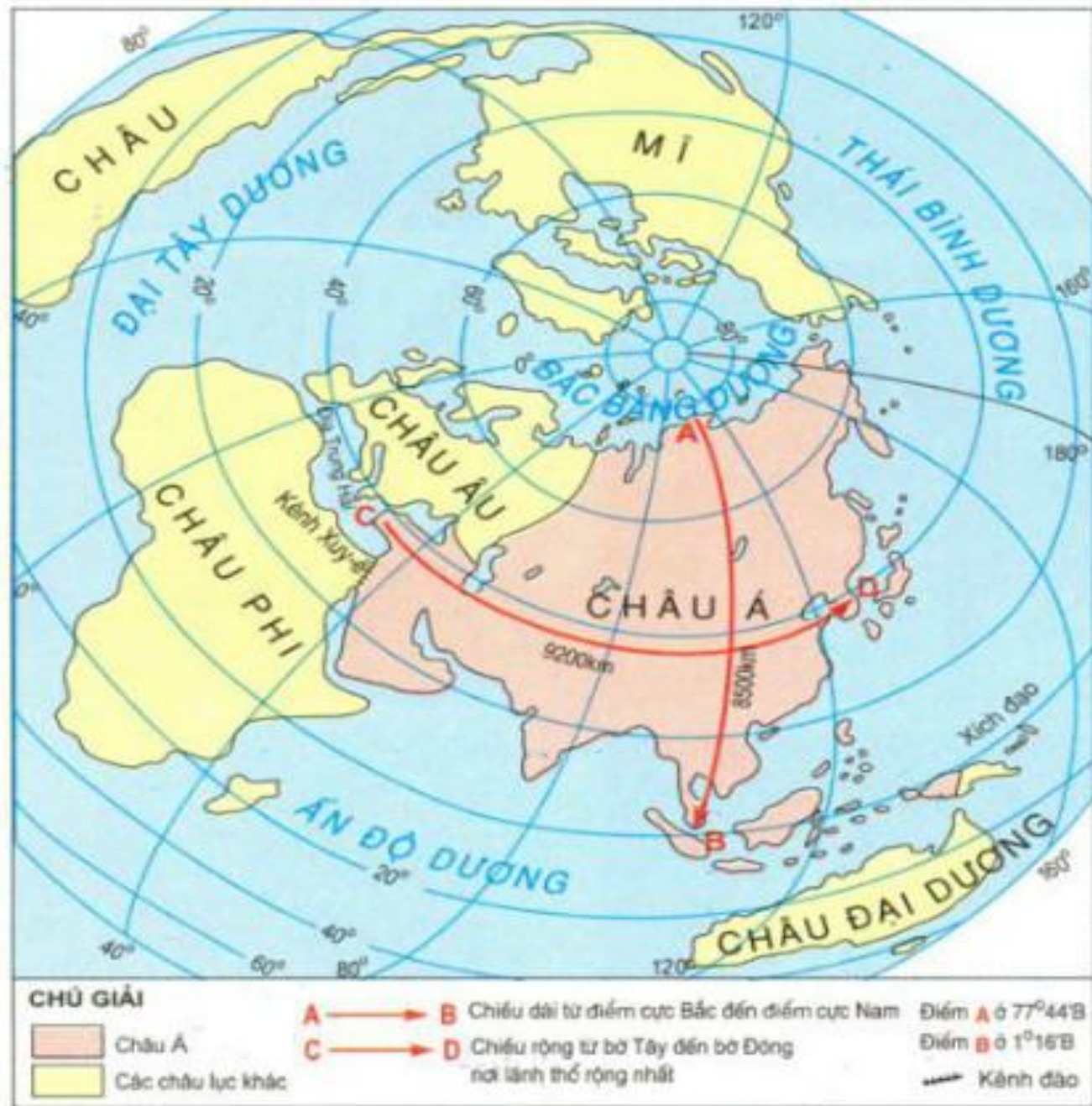
Mũi Bala
26°10' Đ

Mũi Pi-ai
1°16' B

CHÚ GIẢI			
DB : Đồng bằng	Đường sống núi và đỉnh núi	(1) S. Xua Đa-ri-a	Than
SN : Sơn nguyên	Bđ : Bán đảo	(2) S. A-mu Đa-ri-a	Sắt
D : Dãy núi	Hoang mạc cát	S : Sông	Đồng
		Núi lửa	Crôm
			Man-gan
			Khí đốt

Điểm cực Bắc và cực Nam phần đất liền của châu Á nằm trên những vĩ độ địa lí nào?

*Châu Á
tiếp giáp
với các đại
dương và
châu lục
nào?*



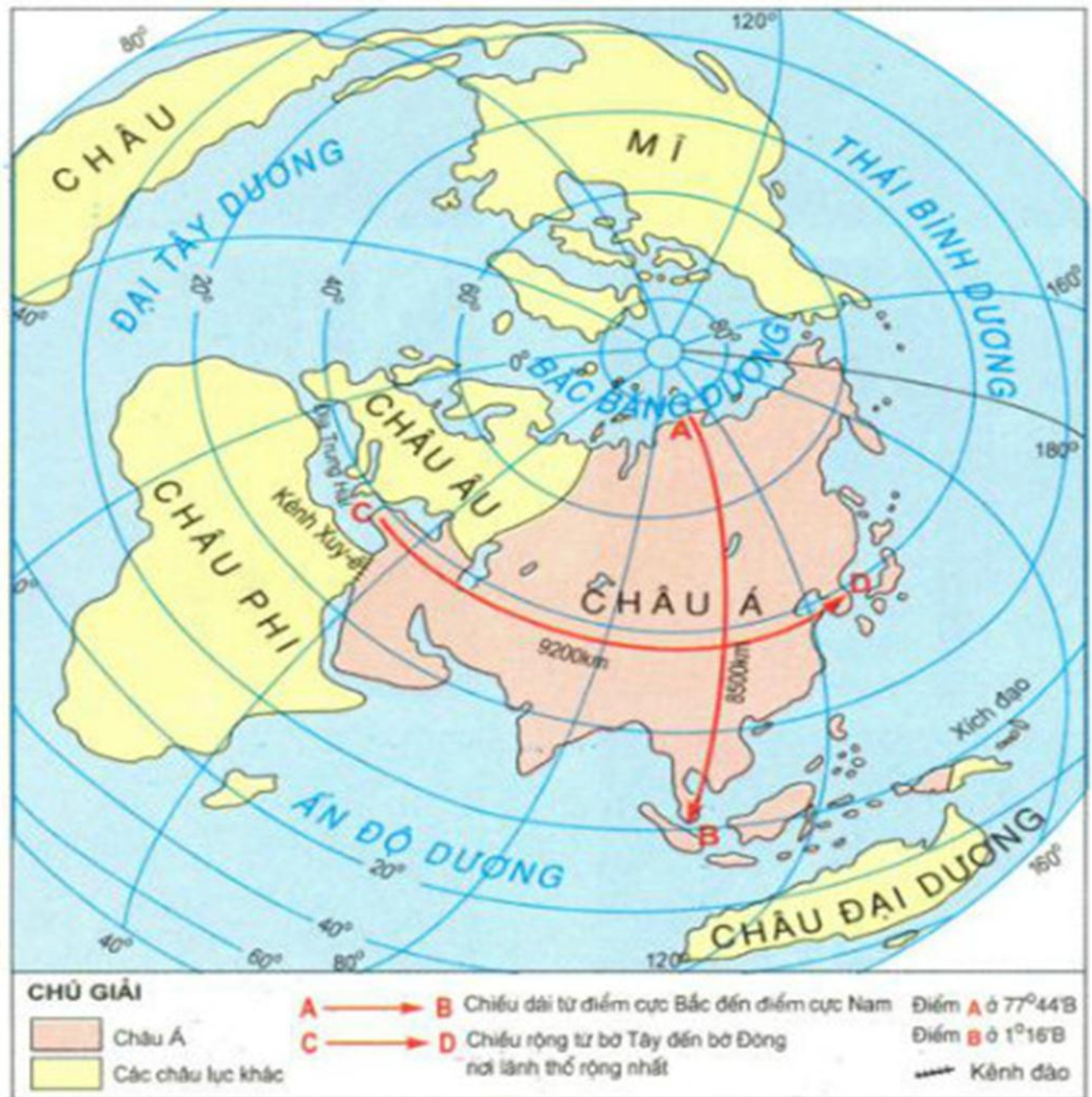
Hình 1.1. Lược đồ vị trí địa lí châu Á trên Địa Cầu

1. Vị trí địa lí và kích thước của châu lục

- Châu Á là một bộ phận của lục địa Á- Âu
- Châu Á tiếp giáp với các đại dương:
 - + Phía Bắc giáp Bắc Băng Dương
 - + Phía Đông giáp Thái Bình Dương
 - + Phía Nam giáp Ấn Độ Dương,
 - + Phía Tây giáp Châu Âu, Địa Trung Hải, Châu Phi (qua kênh đào Xuy-e)

1. Từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam nằm trên vĩ độ nào?

2. Chiều dài từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam, chiều rộng từ bờ Tây Sang bờ Đông nơi lãnh thổ rộng nhất là bao nhiêu km?



Hình 1.1. Lược đồ vị trí địa lí châu Á trên Địa Cầu

Qua bảng số liệu này em có nhận xét gì về diện tích của châu Á?

Châu lục	Diện tích(triệu km²)
Châu Mỹ	42
Châu Phi	30,3
Châu Âu	10,5
Châu Đại Dương	8,5
Châu Nam Cực	14,1
Châu Á	44,4

1. Vị trí địa lí và kích thước của châu lục

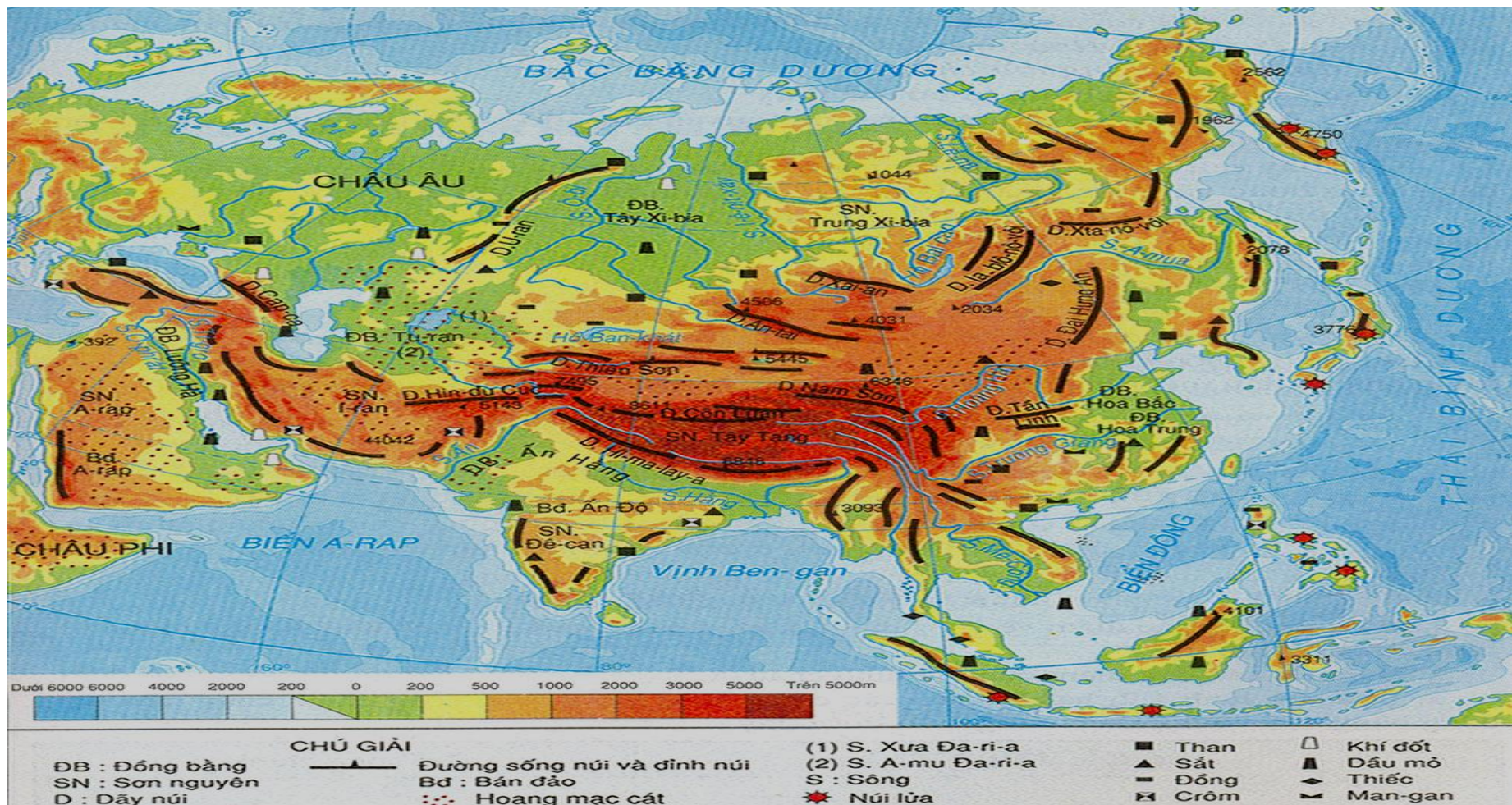
- Diện tích 44,4 triệu km² bao gồm các đảo phụ thuộc là châu lục rộng nhất thế giới

- Trải dài từ vùng cực Bắc ($77^{\circ} 44' \text{ B}$) đến xích đạo ($1^{\circ} 16' \text{ B}$)

=> là châu lục rộng nhất thế giới

2. Đặc điểm địa hình và khoáng sản

a. Đặc điểm địa hình



Hình 1.2: Lược đồ địa hình, khoáng sản và sông hồ châu Á

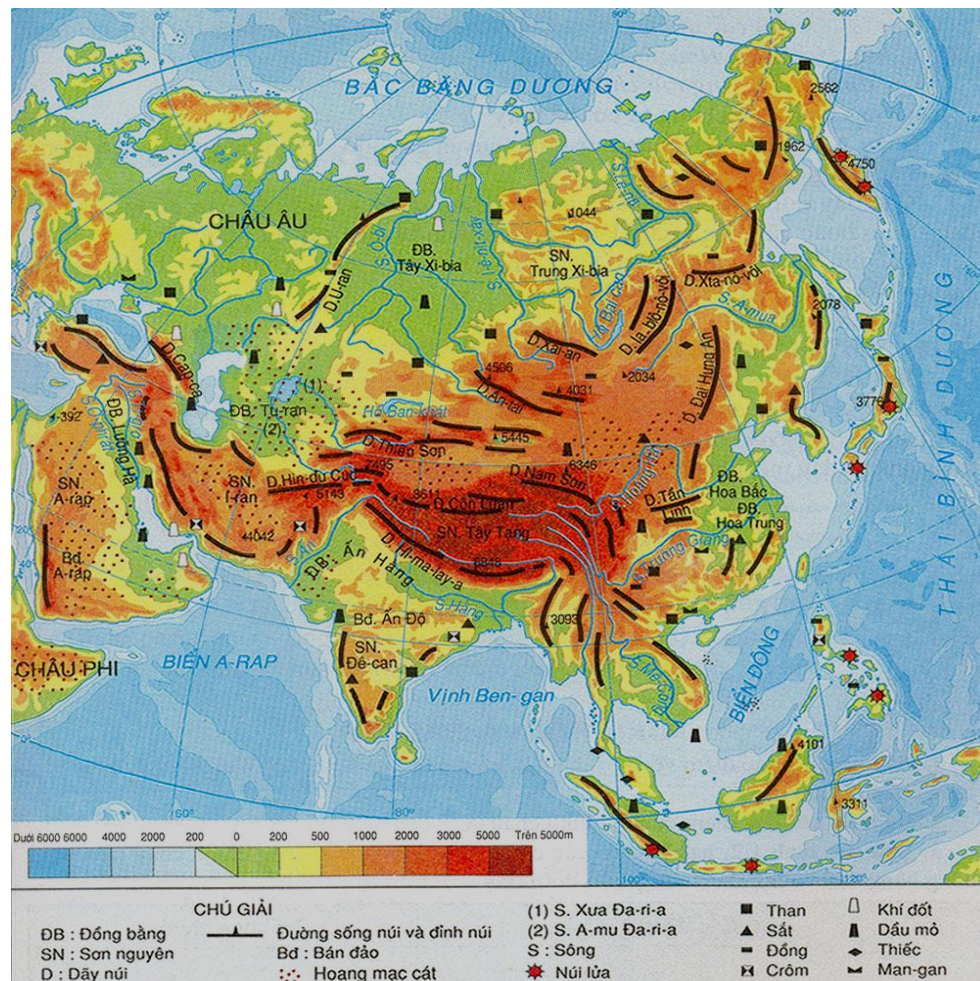
2. Đặc điểm địa hình và khoáng sản

a. Đặc điểm địa hình

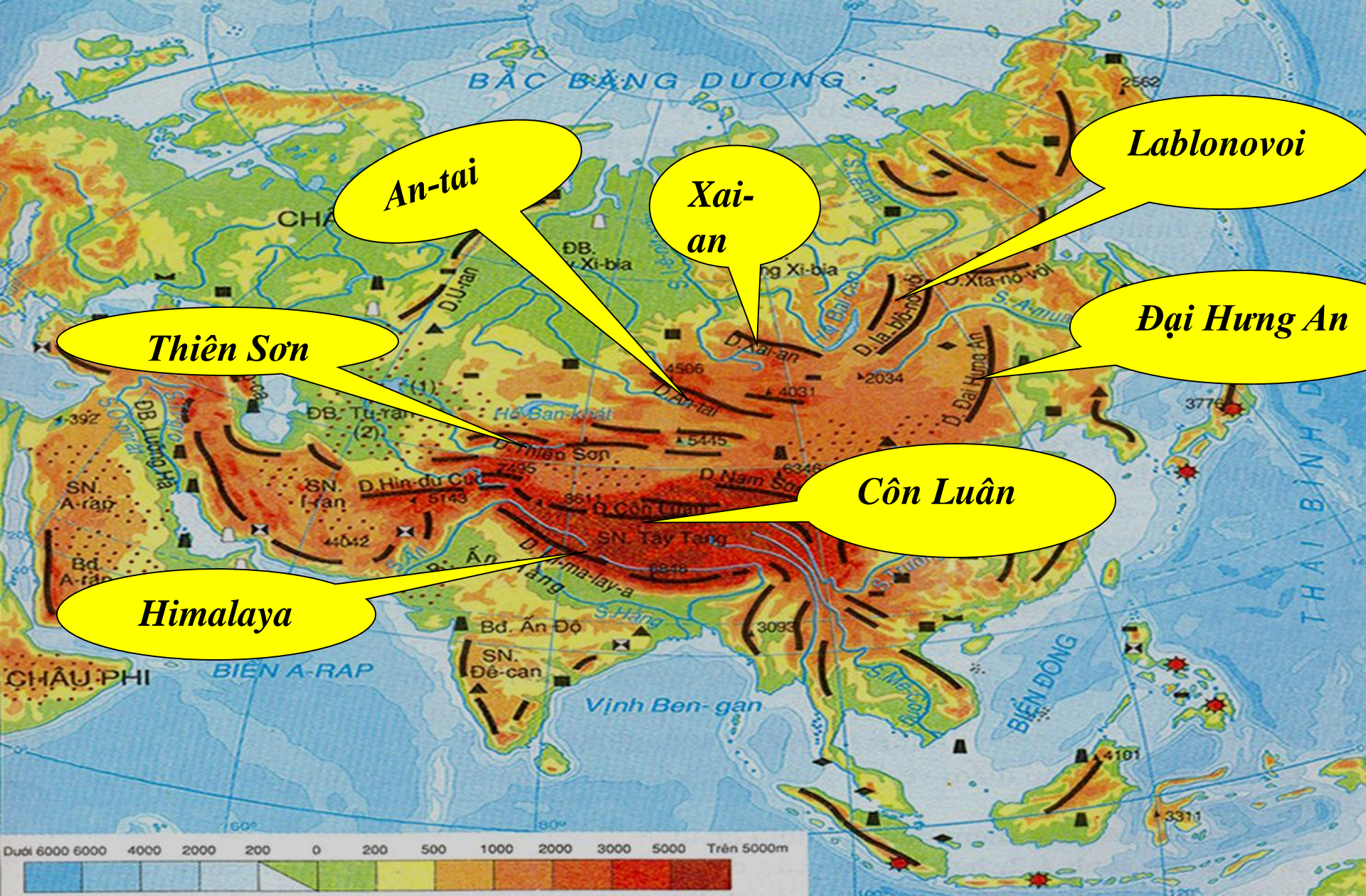
Em hãy kể tên

- Các dãy núi, sơn nguyên và cho biết chúng phân bố chủ yếu ở đâu?

- Tương tự kể tên các đồng bằng và cho biết chúng phân bố ở đâu?



Hình 1.2: Lược đồ địa hình, khoáng sản và sông hồ châu Á



An-tai

Xai-an

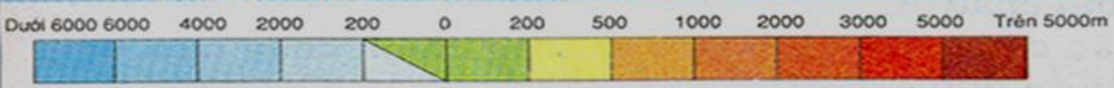
Lablonvoi

Thiên Sơn

Đại Hưng An

Himalaya

Côn Luân



CHÚ GIẢI

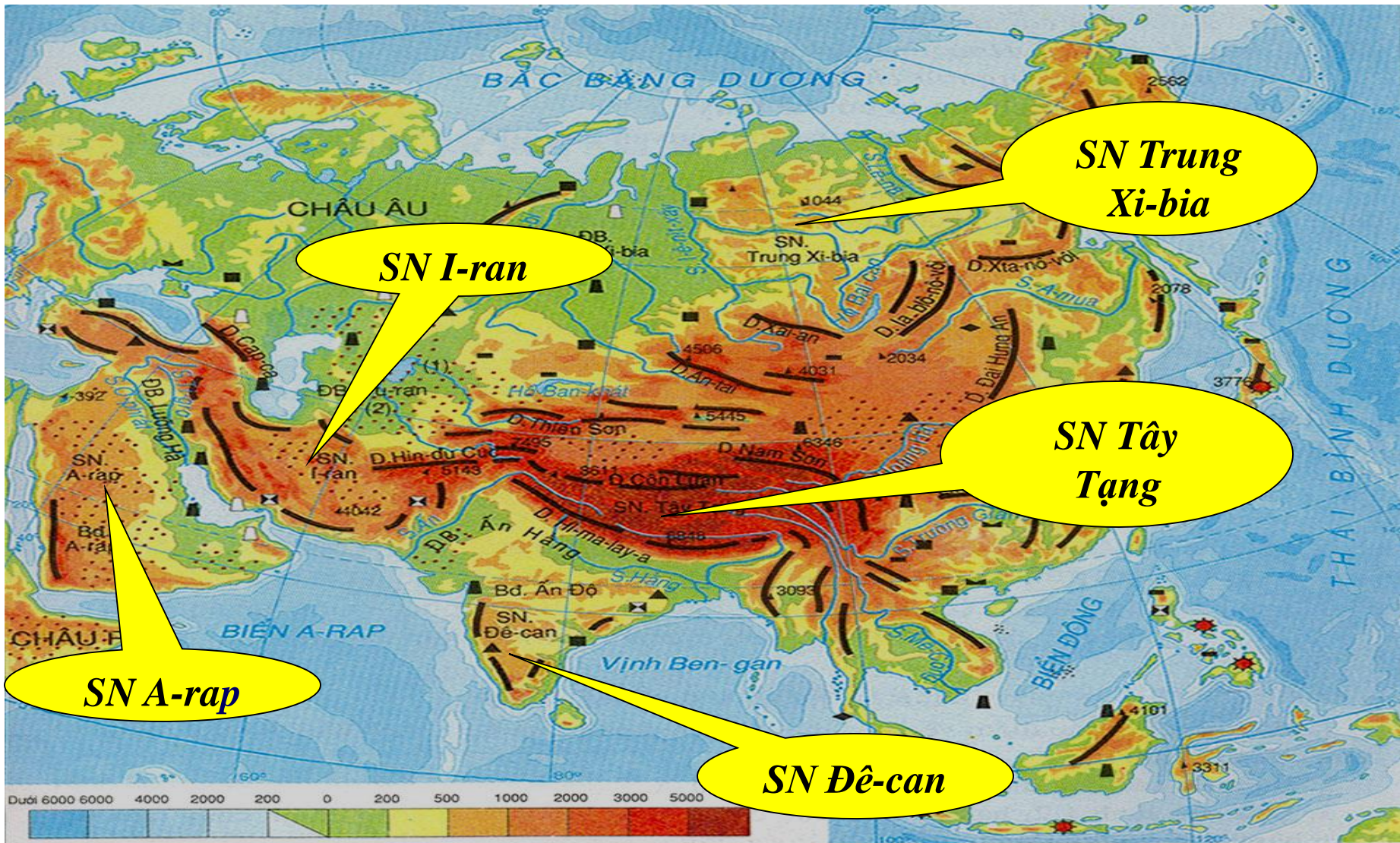
DB : Đồng bằng
 SN : Sơn nguyên
 D : Dãy núi

Đường sống núi và đỉnh núi
 Bđ : Bán đảo
 Hoang mạc cát

(1) S. Xua Đa-ri-a
 (2) S. A-mu Đa-ri-a
 S : Sông
 Núi lửa

Than
 Sắt
 Đồng
 Crôm

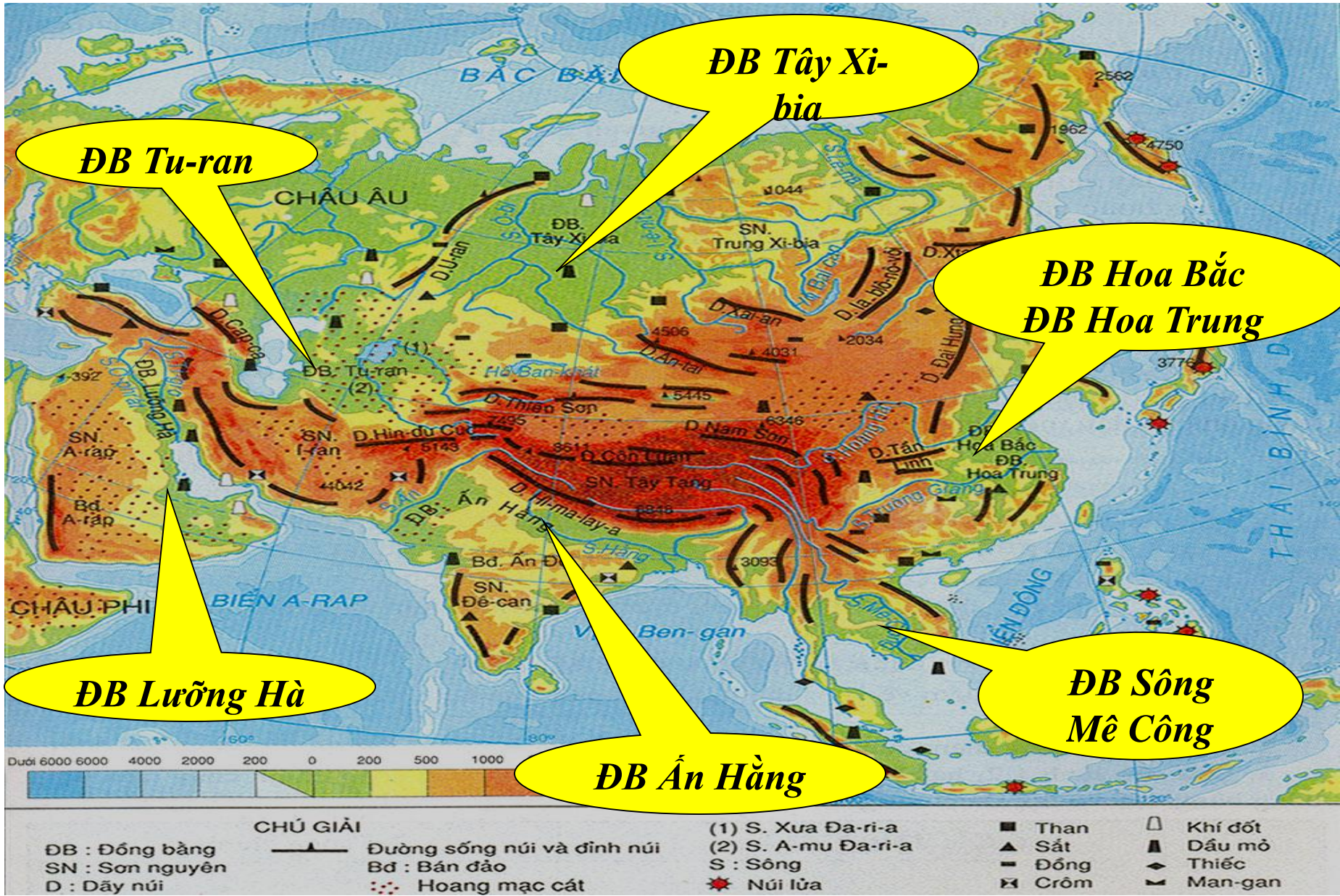
Khí đốt
 Dầu mỏ
 Thiếc
 Man-gan



<p>CHỮ GIẢI</p> <p>DB : Đồng bằng</p> <p>SN : Sơn nguyên</p> <p>D : Dãy núi</p>		<p>—▲— Đường sống núi và đỉnh núi</p> <p>Bđ : Bán đảo</p> <p>⋯ Hoang mạc cát</p>	<p>(1) S. Xua Đa-ri-a</p> <p>(2) S. A-mu Đa-ri-a</p> <p>S : Sông</p> <p>★ Núi lửa</p>	<p>■ Than</p> <p>▲ Sắt</p> <p>— Đồng</p> <p>⊠ Crôm</p>	<p>□ Khí đốt</p> <p>▲ Dầu mỏ</p> <p>◆ Thiếc</p> <p>⊠ Man-gan</p>
--	--	--	---	--	--

a. Đặc điểm địa hình

+ Có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao đồ sộ chạy theo hai hướng chính là: Đ - T, B - N và tập trung ở vùng trung tâm. Trên các đỉnh núi cao có băng hà bao phủ quanh năm.





Hệ thống núi Hy ma lay a



S-n nguy^an ẽ M«ng Cæ

**NHẬN
XÉT
ĐỊA
HÌNH
CHÂU
Á?**

- Địa
hình
chia
cắt
phức
tạp.



S«ng Trưêng Giang (Trung Quêc)



S«ng b»ng s«ng Cõu Long (ViÖt Nam)

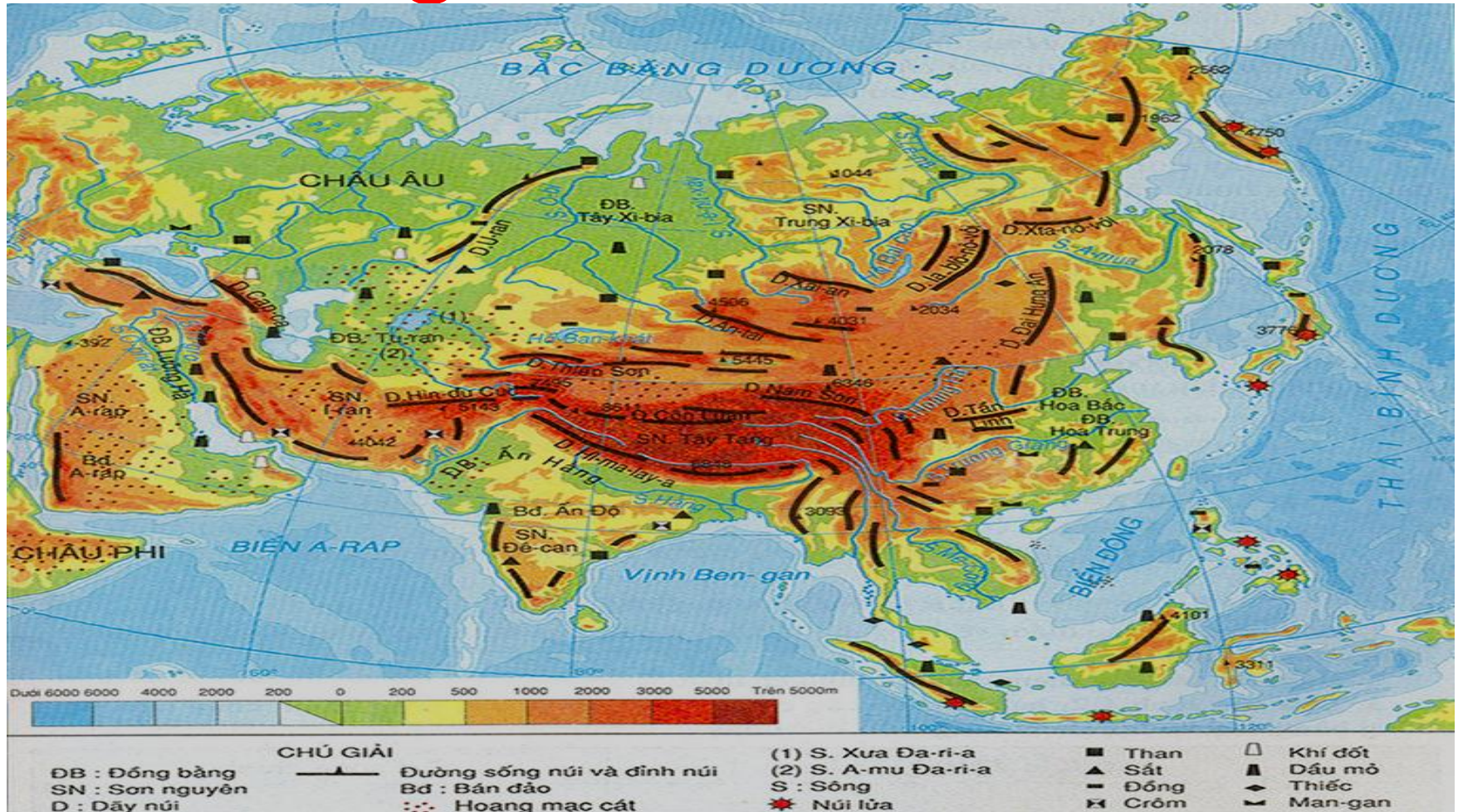
a. Đặc điểm địa hình

+ Có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao đồ sộ chạy theo hai hướng chính là: Đ - T ,B -N và tập trung ở trung tâm. Trên các đỉnh núi cao có băng hà bao phủ quanh năm.

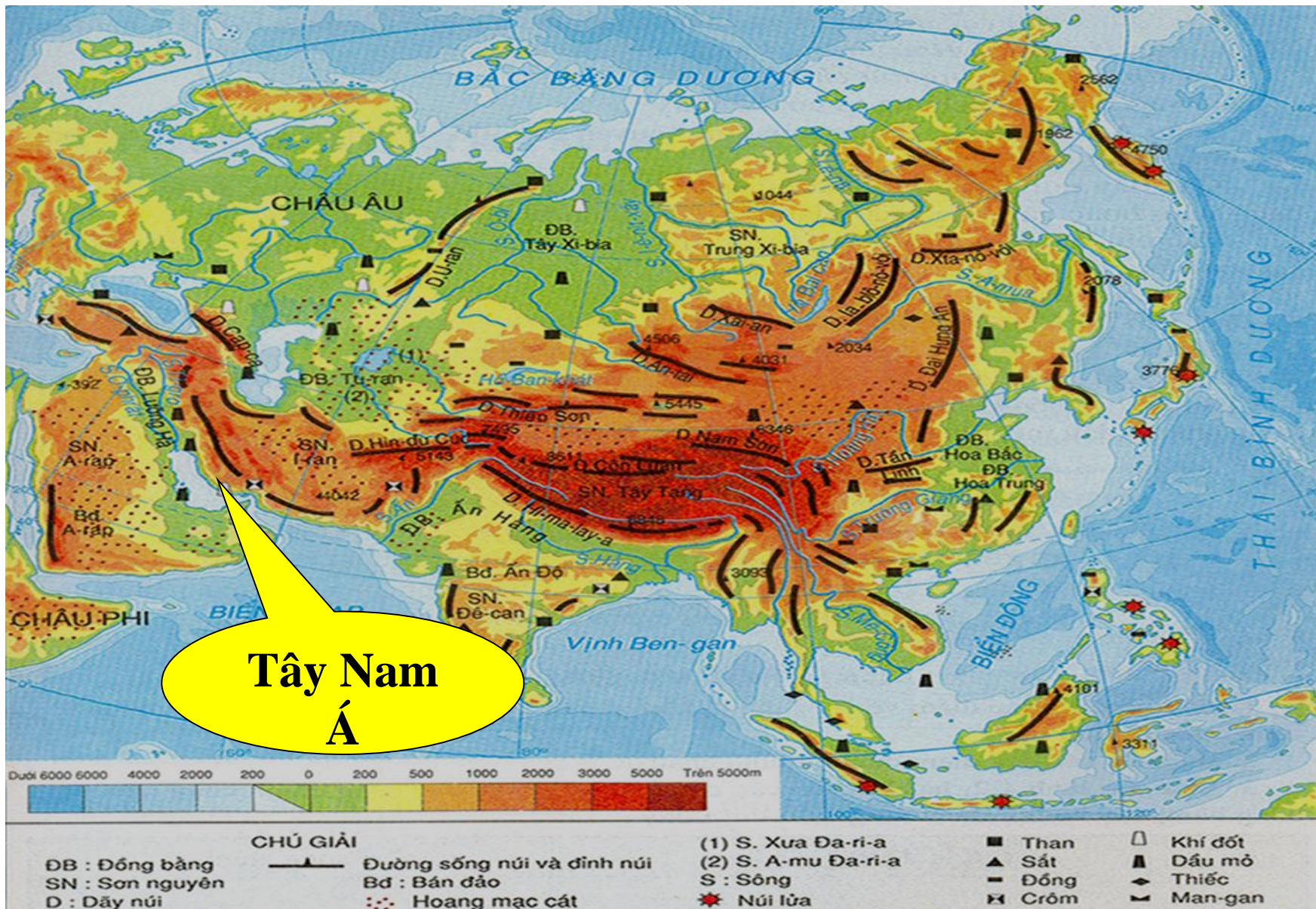
+ Nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới chủ yếu ở ven biển.

=> Địa hình chia cắt phức tạp.

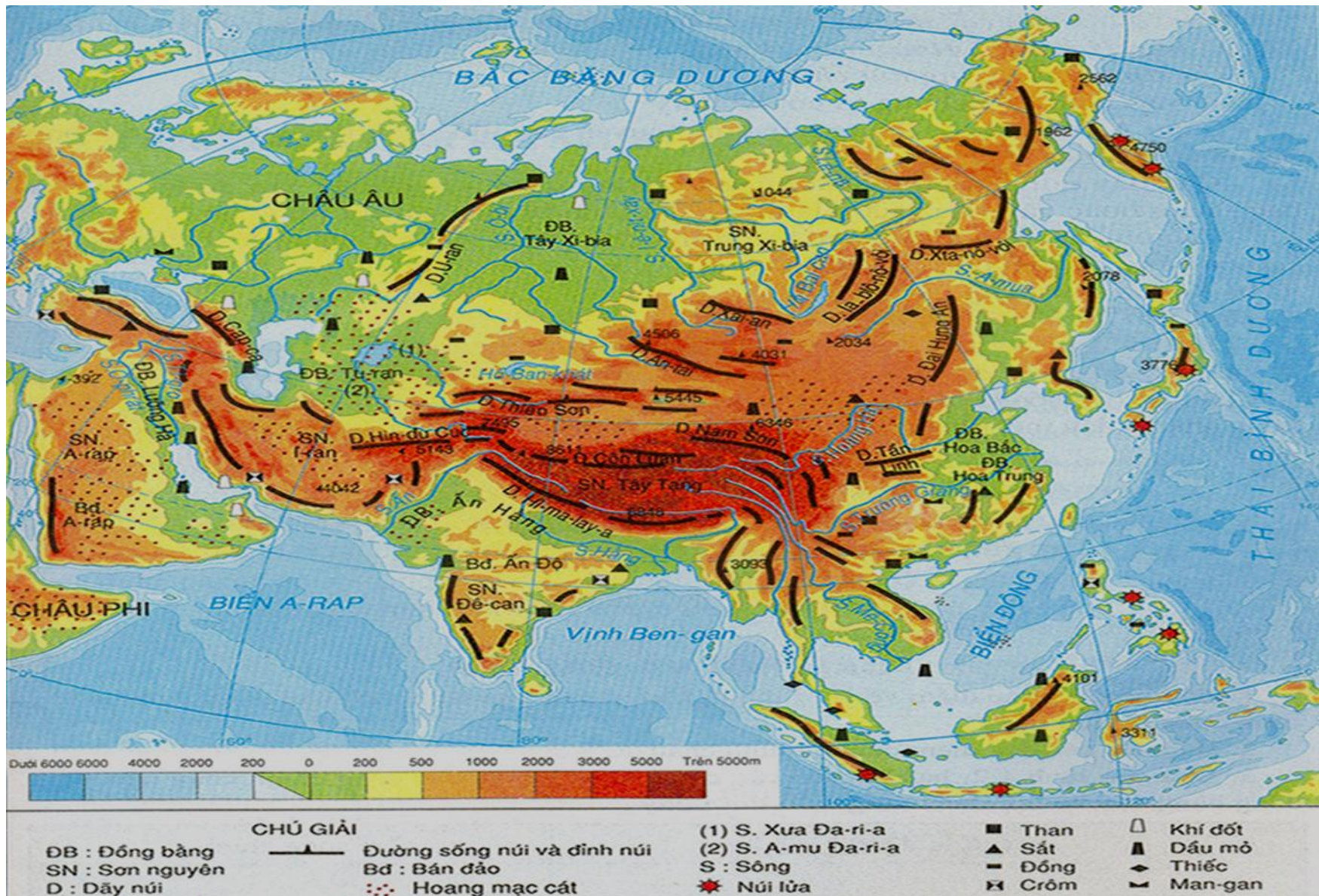
b. Khoáng sản:



Xác định trên bản đồ các khoáng sản chủ yếu của châu Á?



Khu vực nào có nhiều dầu mỏ và khí đốt nhất ở châu Á?



? Em có nhận xét gì về khoáng sản ở châu Á?



b. Khoáng sản:

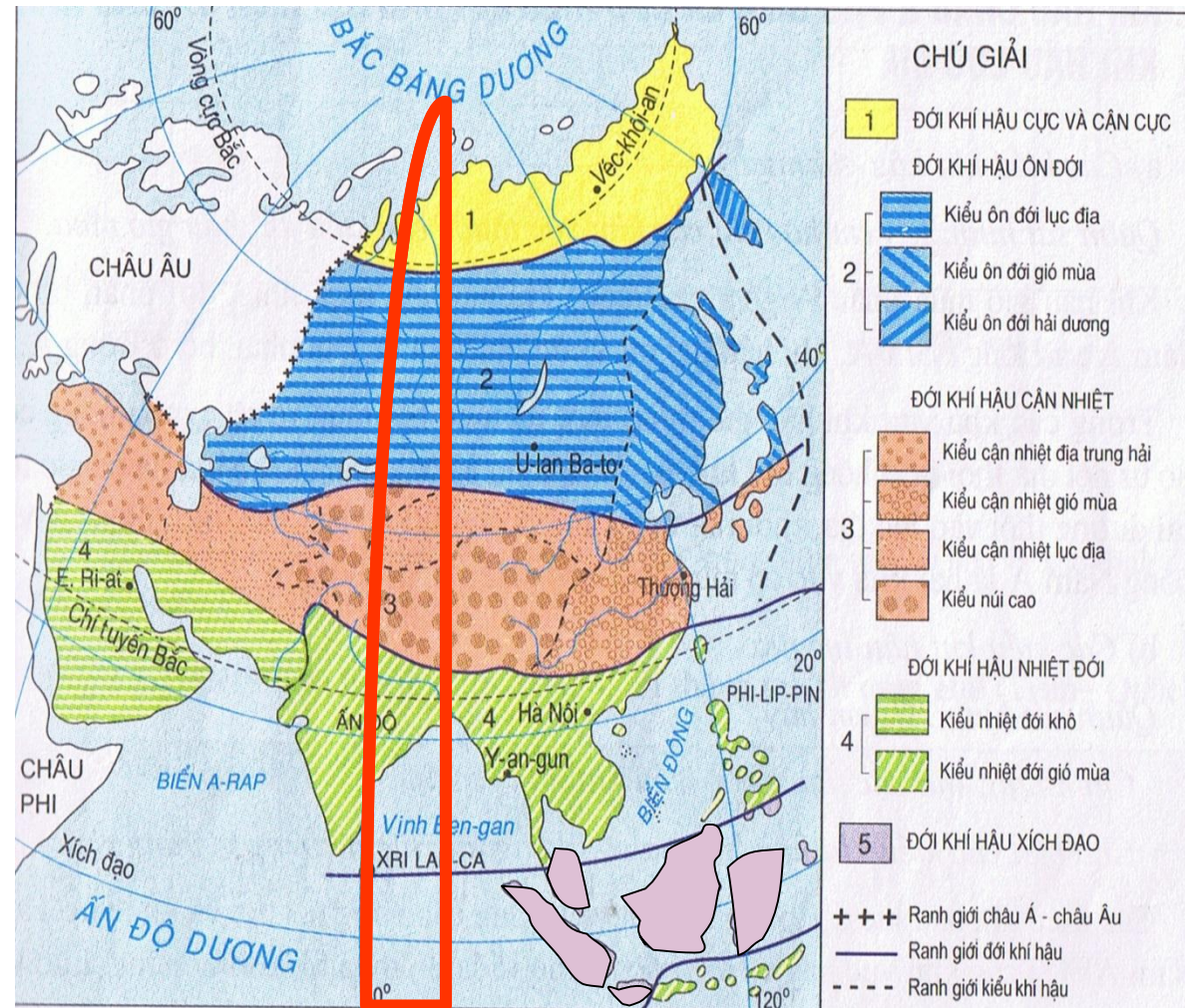
Khoáng sản phong phú và có trữ lượng lớn: dầu mỏ và khí đốt (có nhiều ở Tây Nam Á), than, kim loại màu,...

I. Khí hậu Châu Á phân hóa rất đa dạng

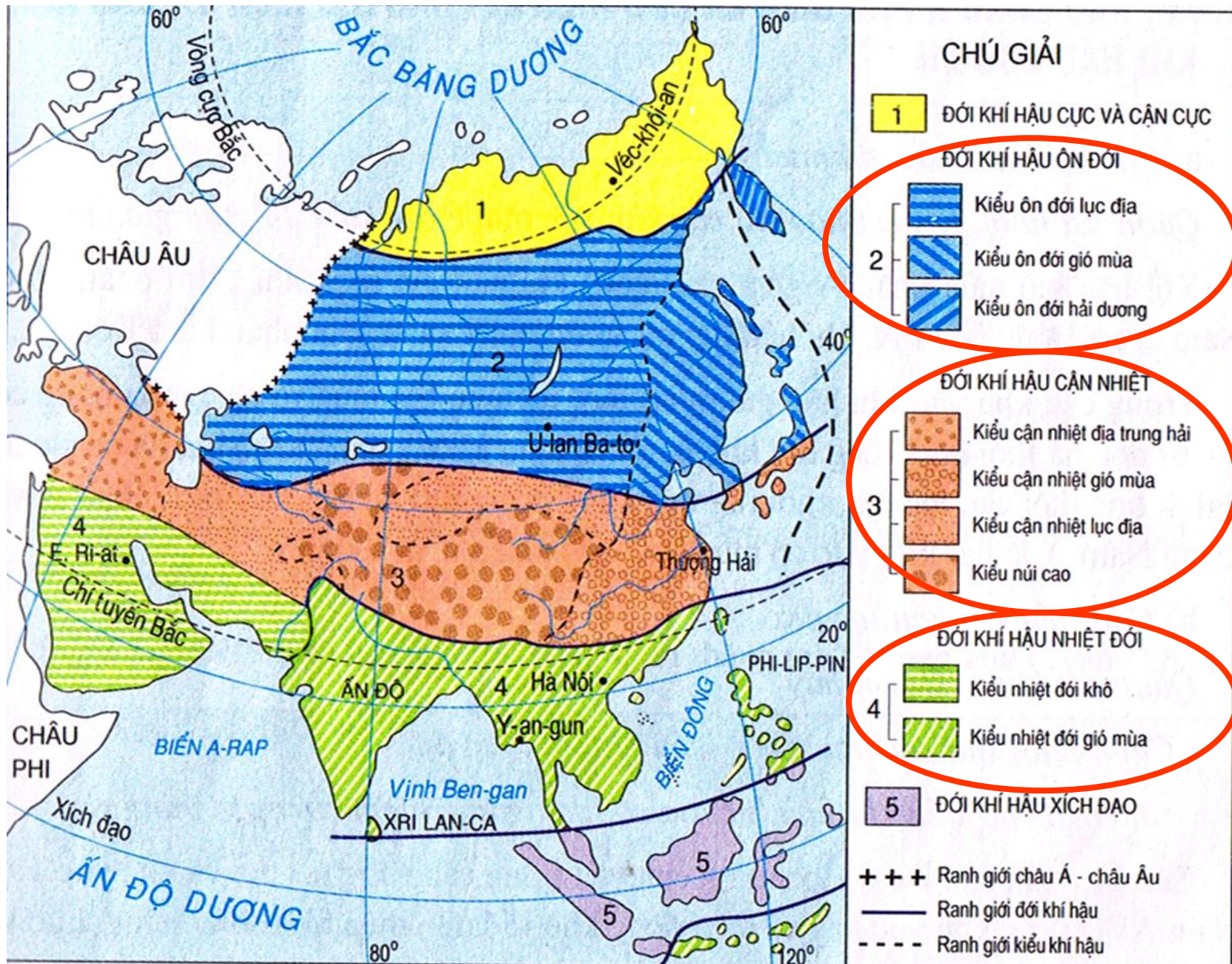
- Châu Á có 5 đới khí hậu:

1. Cực và cận Cực
2. Ôn đới
3. Cận nhiệt
4. Nhiệt đới
5. Xích đạo

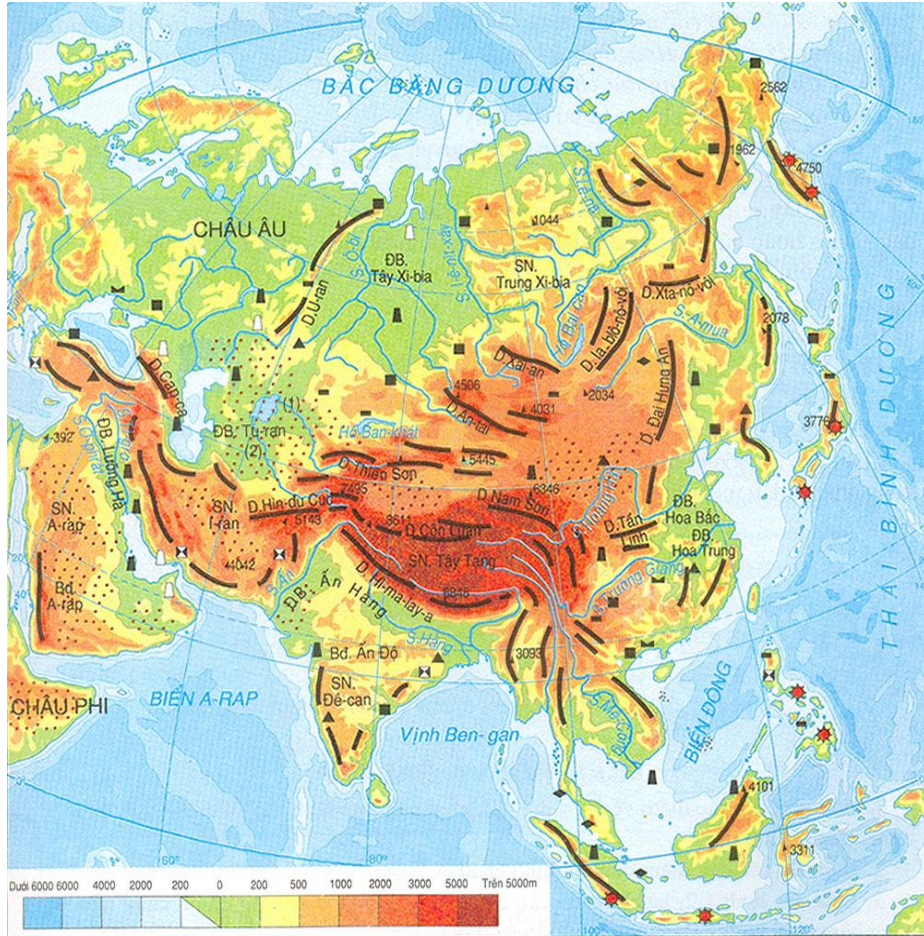
- Do lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.



Hình 2.1. Lược đồ các đới khí hậu Châu Á



Hình 2.1. Lược đồ các đới khí hậu Châu Á



CHÚ GIẢI

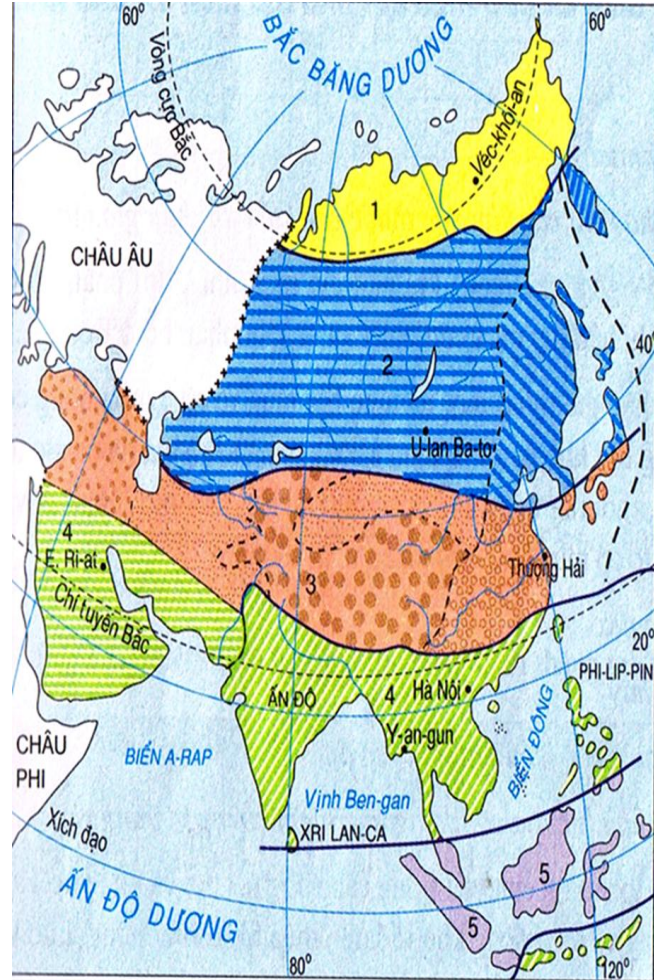
DB : Đồng bằng
 SN : Sơn nguyên
 D : Dãy núi

— Đường sống núi và đỉnh núi
 Bđ : Bán đảo
 ∴ Hoang mạc cát

(1) S. Xua Đa-ri-a
 (2) S. A-mu Đa-ri-a

■ Than
 ▲ Sắt
 □ Đồng
 S : Sông
 * Núi lửa

□ Khí đốt
 ▲ Dầu mỏ
 ▲ Thiếc
 ▲ Man-gan



CHÚ GIẢI

1 ĐỚI KHÍ HẬU CỤC VÀ CẬN CỰC
 ĐỚI KHÍ HẬU ÒN ĐỜI

■ Kiểu ôn đới lục địa
 ■ Kiểu ôn đới gió mùa
 ■ Kiểu ôn đới hải dương

2 ĐỚI KHÍ HẬU CẬN NHIỆT

■ Kiểu cận nhiệt địa trung hải
 ■ Kiểu cận nhiệt gió mùa
 ■ Kiểu cận nhiệt lục địa
 ■ Kiểu núi cao

3 ĐỚI KHÍ HẬU NHIỆT ĐỚI

■ Kiểu nhiệt đới khô
 ■ Kiểu nhiệt đới gió mùa

4 ĐỚI KHÍ HẬU XÍCH ĐẠO

+++ Ranh giới châu Á - châu Âu
 — Ranh giới đới khí hậu
 - - - Ranh giới kiểu khí hậu

Các đới khí hậu thường phân hóa thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau do lãnh thổ rất rộng, có các dãy núi và sơn nguyên cao ngăn ảnh hưởng của biển xâm nhập sâu vào nội địa, ngoài ra khí hậu còn thay đổi theo chiều cao.

I. Khí hậu Châu Á phân hóa rất đa dạng

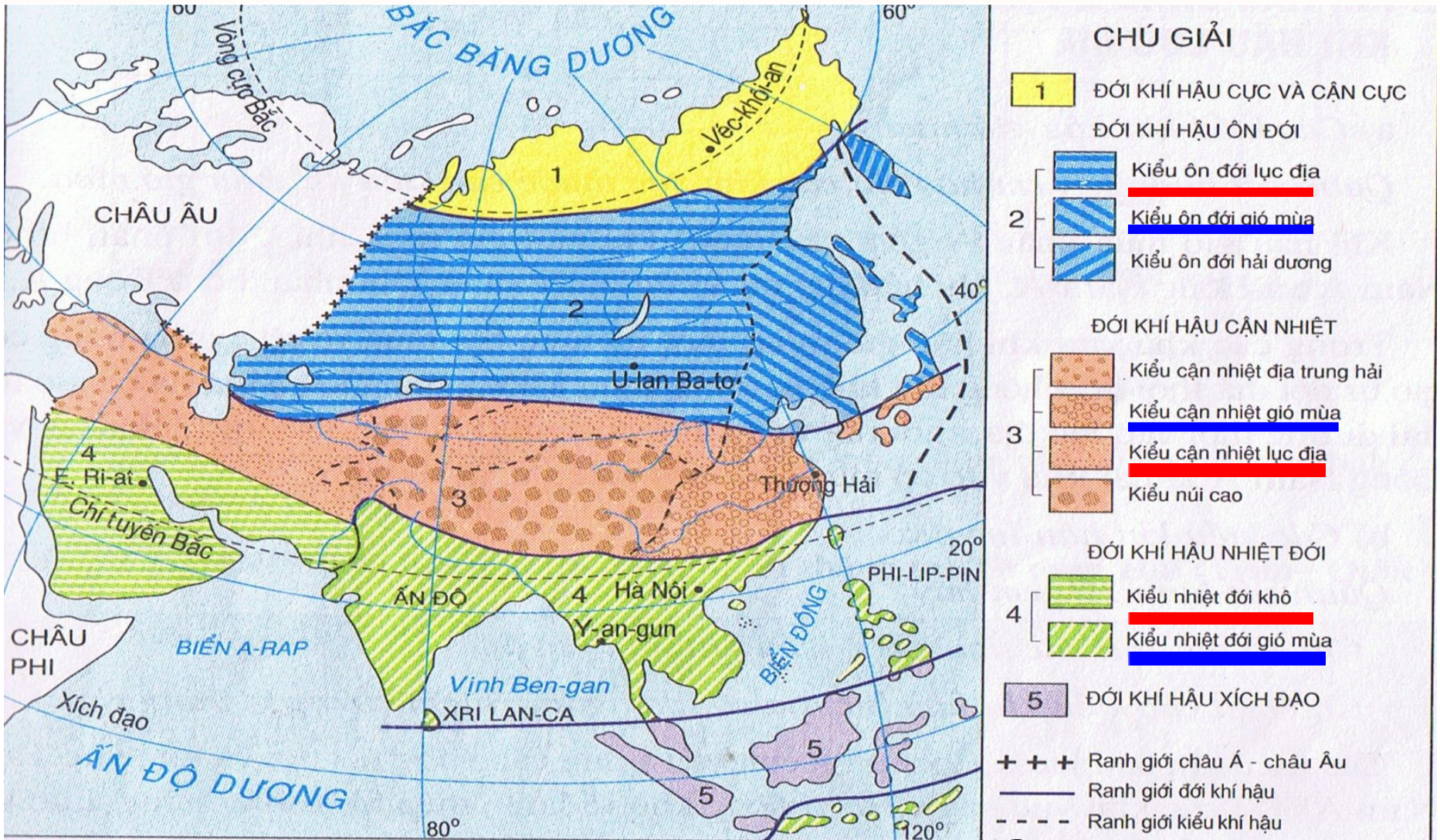


1. Khí hậu Châu Á phân hóa thành nhiều đới khác nhau do lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.



2. Các đới khí hậu thường phân hóa thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau do lãnh thổ rất rộng, có các dãy núi và sơn nguyên cao ngăn ảnh hưởng của biển xâm nhập sâu vào nội địa, ngoài ra khí hậu còn thay đổi theo chiều cao.

II. Khí hậu Châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa



Hình 2.1. Lược đồ các đới khí hậu châu Á

I. Khí hậu Châu Á phân hóa rất đa dạng



II. Khí hậu Châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa

	Các kiểu khí hậu gió mùa	Các kiểu khí hậu lục địa
Phân bố	Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á	Vùng nội địa và khu vực Tây Nam Á
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none">- Mùa đông khô, lạnh, ít mưa- Mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều.	<ul style="list-style-type: none">- Mùa đông khô, lạnh- Mùa hạ khô và nóng

BÀI 3 - SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN CHÂU Á

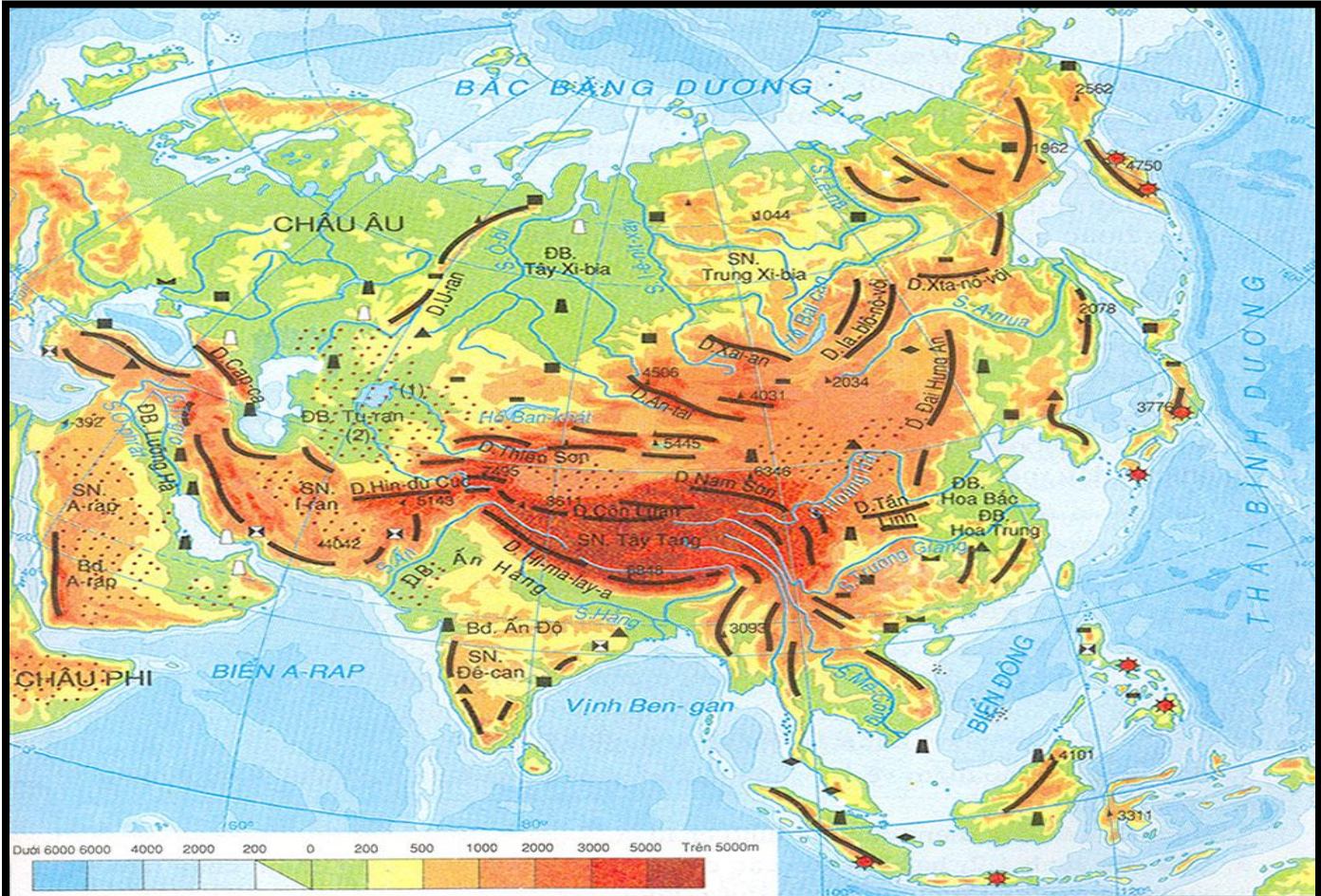


1. Đặc điểm sông ngòi

-Dựa vào hình 1.2/tr.5 sgk và nội dung sgk của mục 1/tr.10, hãy:

+Nhận xét chung về mạng lưới và phân bố sông ngòi châu Á?

+Xác định các sông lớn ở từng khu vực của châu Á?(Bắc Á, Đông Á, Nam Á, Tây Á)



DB : Đồng bằng	—▲— Đường sống núi và đỉnh núi	(1) S. Xua Đa-ri-a	■ Than	□ Khí đốt
SN : Sơn nguyên	Bđ : Bán đảo	(2) S. A-mu Đa-ri-a	▲ Sắt	▲ Dầu mỏ
D : Dãy núi	⋯ Hoang mạc cát	S : Sông	■ Đồng	▲ Thiếc
		★ Núi lửa	⊠ Crôm	▲ Man-gan

Bảng thống kê đặc điểm các khu vực sông ngòi châu Á

Các khu vực sông	Đặc điểm chính
Bắc Á	<ul style="list-style-type: none">- Sông lớn: Lê-na, Ôbi, I-ê-nit-xây.- Mạng lưới sông dày đặc.- Chế độ nước sông theo mùa: mùa lũ trùng với mùa xuân do băng tuyết tan.
Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á	<ul style="list-style-type: none">- Sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Kông....- Mạng lưới sông dày, có nhiều sông lớn.- Chế độ nước sông theo chế độ mưa gió mùa: mùa lũ vào cuối hạ đầu thu, mùa cạn đông xuân.
Tây Nam Á, Trung Á	<ul style="list-style-type: none">- Sông lớn: Ti-gơ, Ơ-phrat...- Sông ngòi kém phát triển.- Lưu lượng nước sông càng về hạ lưu càng giảm, 1 số sông nhỏ bị "chết" trong các hoang mạc cát.

□ -Phân bố không đều, chế độ nước sông phức tạp



BÀI 3 - SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN CHÂU Á

1. Đặc điểm sông ngòi:



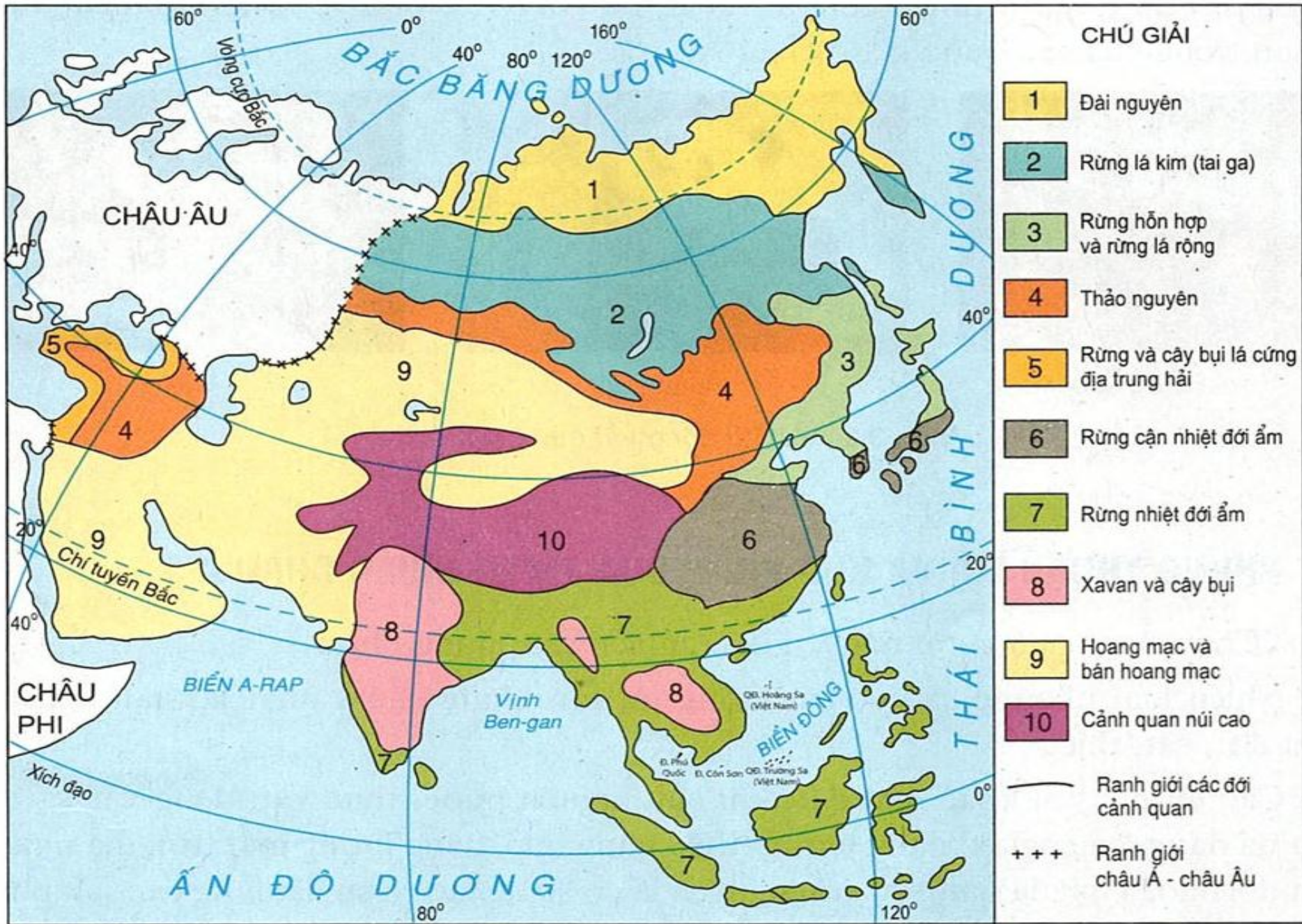
- Châu Á có mạng lưới sông ngòi khá phát triển, có nhiều hệ thống sông lớn(sông Ô-bi, sông Hoàng Hà, sông Trường Giang, sông Mê Công...)
- Phân bố không đều, chế độ nước sông phức tạp
- Sông ngòi châu Á có giá trị rất lớn trong đời sống, sản xuất của con người.

BÀI 3. SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN CHÂU Á

1. Đặc điểm sông ngòi

2. Các đới cảnh quan tự nhiên





Hình 3.1. Lược đồ các đới cảnh quan tự nhiên châu Á

BÀI 3. SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN CHÂU Á

1. Đặc điểm sông ngòi

2. Các đới cảnh quan tự nhiên



- Cảnh quan thiên nhiên phân hóa rất đa dạng
- Ngày nay phần lớn cảnh quan nguyên sinh đã bị con người khai phá, biến thành đồng ruộng, các khu dân cư và khu công nghiệp.

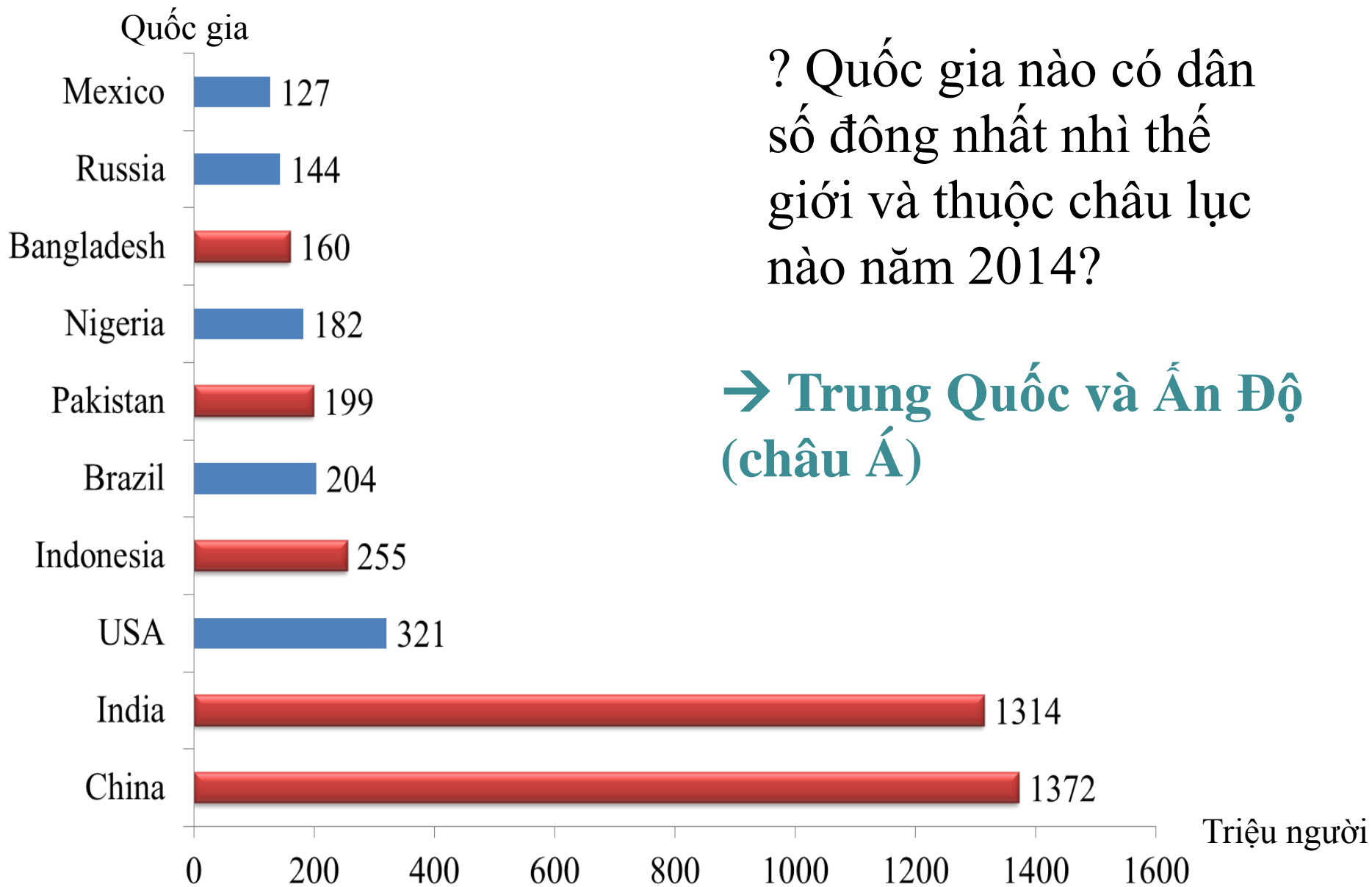
BÀI 5. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

1. Một châu lục đông dân nhất thế giới

triệu người



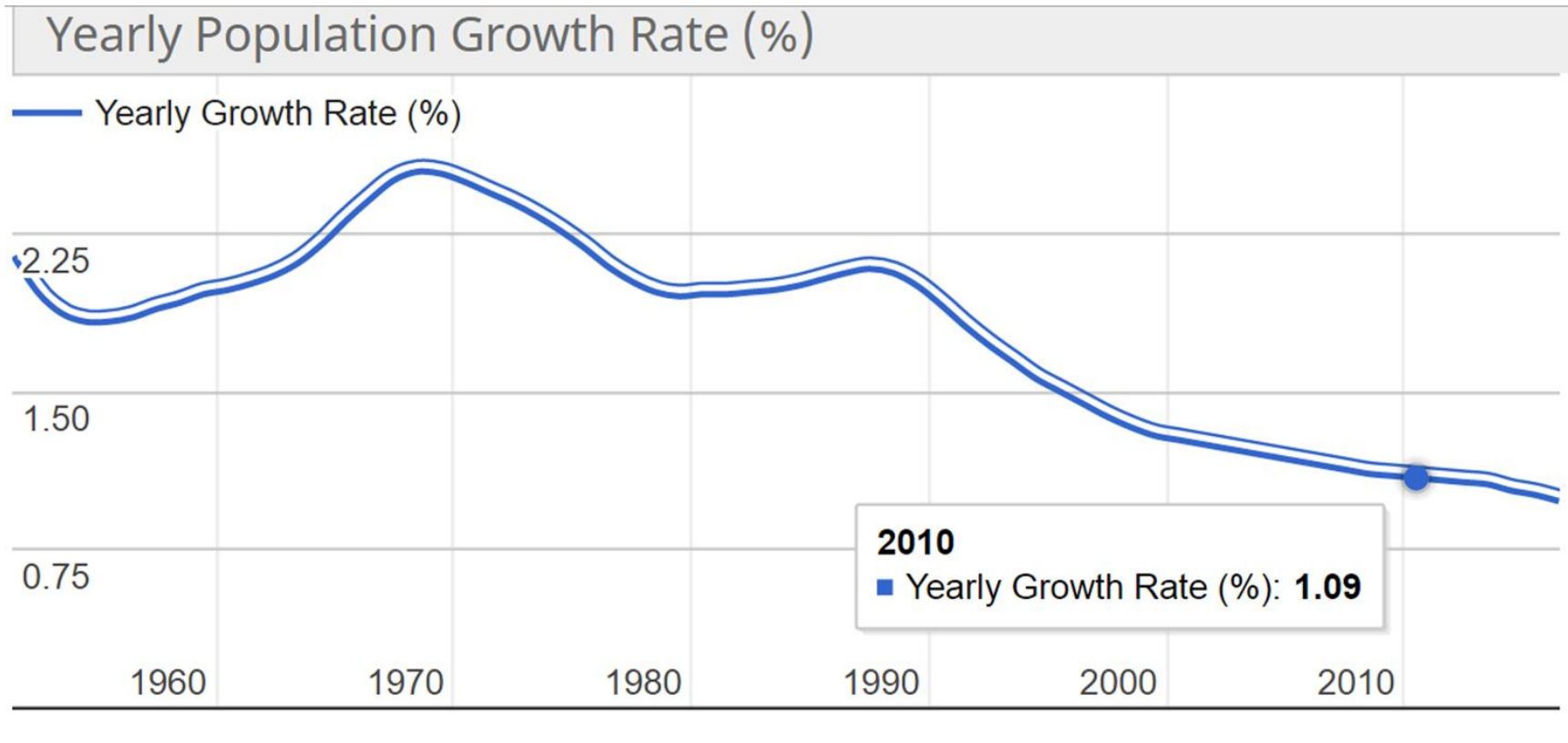
Biểu đồ thể hiện dân số của các châu lục trên thế giới năm 2015



? Quốc gia nào có dân số đông nhất nhì thế giới và thuộc châu lục nào năm 2014?

→ Trung Quốc và Ấn Độ (châu Á)

quốc gia có dân số đông nhất thế giới năm 2014



Nhận xét tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở các nước châu Á?

~~✎~~ Mặc dù tỉ lệ gia tăng dân số đã giảm, châu Á vẫn có số dân đông nhất so với các châu lục khác

2. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc



? Quan sát H5.1, em hãy cho biết dân cư châu Á thuộc những chủng tộc nào? Mỗi chủng tộc sống chủ yếu ở những khu vực nào?

Hình 5.1. Lược đồ phân bố các chủng tộc ở châu Á

2. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc

✎ Dân cư châu Á chủ yếu thuộc các chủng tộc: Môn-gô-lô-it, Ô-rô-pê-ô-it và một số ít thuộc chủng tộc Ô-xtra-lô-it.

✎ Các chủng tộc tuy khác nhau về hình thái nhưng đều có quyền và khả năng như nhau trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

3. Nơi ra đời của các tôn giáo lớn (hs tự học)

BÀI 7: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU Á

**I. Vài nét về lịch sử phát triển của các nước châu Á.
(đọc và tham khảo SGK)**

II. Đặc điểm phát triển kinh tế – xã hội của các nước và vùng lãnh thổ châu Á hiện nay.

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**

Sau CTTG thứ II

Các nước giành được độc lập

Kinh tế kiệt quệ

Đời sống nhân dân khổ cực

Thiếu công cụ và phương
tiện sản xuất



Sau CTTG thứ II

Cuối thế kỉ XX

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**



**Nền kinh tế các nước
vùng lãnh thổ đã có
nhiều chuyển biến**

Quốc gia	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
Nhật Bản	33400,0	Cao
Cô-oét	19040,0	Cao
Hàn Quốc	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	3680,0	TB trên
Trung Quốc	911,0	TB dưới
Xi-ri	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	449,0	Thấp
Lào	317,0	Thấp
Việt Nam	415,0	Thấp

Nước có bình quân GDP đầu người cao nhất so với nước thấp nhất chênh lệch khoảng bao nhiêu lần?

Việt Nam có bình quân GDP đầu người so với nước cao nhất chênh nhau bao nhiêu lần?

Tỷ trọng giá trị nông nghiệp trong cơ cấu GDP của các nước thu nhập cao khác với nước có thu nhập thấp ở chỗ nào?

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001



- CHÚ GIẢI**
- Thu nhập thấp
 - Thu nhập trung bình dưới
 - Thu nhập trung bình trên
 - Thu nhập cao

- CHỈ SỐ** Tên quốc gia, lãnh thổ
- 1 Phân lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Âu
 - 2 Phân lãnh thổ Pa-le-x-tin
 - +++ Ranh giới châu Á - châu Âu
- Riêng ĐÔNG TI-MO chưa xếp loại*

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á**

Sau CTTG thứ II

Cuối thế kỉ XX

Thu nhập GDP

Cao

TB Trên

TB Dưới

Thấp

**KHÔNG
ĐỒNG
ĐỀU**



NHÓM NƯỚC PHÁT TRIỂN CAO
NƯỚC NHẬT BẢN

NHÓM NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI
NƯỚC XINGAPO, HÀN QUỐC,
ĐÀI LOAN

NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN
CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO

Trung Quốc, Ấn độ, Thái Lan

NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP LÀ CHỦ YẾU

Việt Nam, Lào, Campuchia...

NHÓM NƯỚC GIÀU MẠNH NHƯNG
TRÌNH ĐỘ KT – XH CHƯA PHÁT TRIỂN CAO

A-rập-xê-út, Brunây, Cô-oét...

?

NHÓM NƯỚC PHÁT TRIỂN CAO

NƯỚC NHẬT BẢN

- **ĐẶC ĐIỂM:**

* **Nền kinh tế xã hội phát triển toàn diện**

NHÓM NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI **NƯỚC XINGAPO, HÀN QUỐC,** **ĐÀI LOAN**

- ĐẶC ĐIỂM:

*** Có mức độ công nghiệp hóa
cao, nhanh**

NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO

Trung Quốc, Ấn độ, Thái Lan

- ĐẶC ĐIỂM:

- * Có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao**
- * Công nghiệp hóa nhanh, nông nghiệp có vai trò quan trọng**

NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP LÀ CHỦ YẾU

Việt Nam, Lào, Campuchia...

- ĐẶC ĐIỂM:

*** Nông nghiệp phát triển chủ yếu**

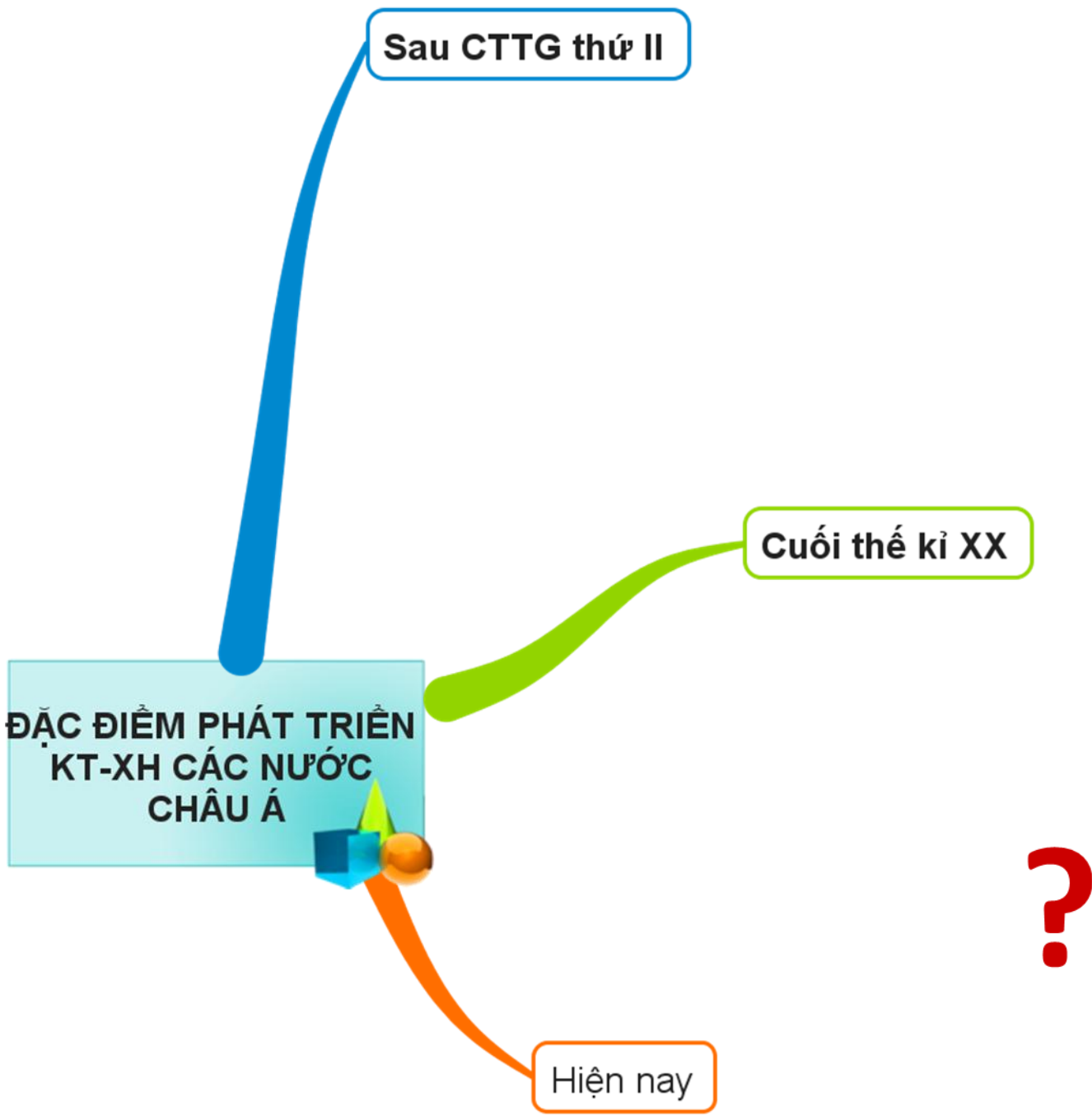
NHÓM NƯỚC GIÀU MẠNH NHƯNG TRÌNH ĐỘ KT - XH CHƯA PHÁT TRIỂN CAO

A-rập-xê-út, Brunây, Cô-oét...

- ĐẶC ĐIỂM:

*** Khai thác dầu khí để xuất khẩu**

Nhóm nước	Đặc điểm phát triển kinh tế	Tên nước và vùng lãnh thổ
<p>Nhóm Phát triển cao</p>	<p>Nền KT – XH phát triển toàn diện</p>	<p>Nhật Bản</p>
<p>Nhóm Công nghiệp mới</p>	<p>Mức độ CN hóa khá cao và nhanh</p>	<p>Xingapo, Hàn Quốc, Đài Loan</p>
<p>Nhóm Đang phát triển</p>	<p>Tốc độ CNH nhanh, nông nghiệp có vai trò quan trọng, dịch vụ phát triển, tốc độ tăng trưởng KT khá cao.</p>	<p>Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan</p>
	<p>- Nền KT chủ yếu dựa vào nông nghiệp</p>	<p>Mianma, Băngladet, Nêpal</p>
<p>Nhóm Giàu nhưng trình độ phát triển KT-XH chưa cao</p>	<p>Nguồn dầu khí phong phú được nhiều nước đầu tư, khai thác, chế biến xuất khẩu.</p>	<p>Côoet, Brunây, Ả-rập xê - ut</p>



Sau CTTG thứ II

Cuối thế kỉ XX

Hiện nay

ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
KT-XH CÁC NƯỚC
CHÂU Á

?

ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KT-XH CÁC NƯỚC CHÂU Á

Sau CTTG thứ II

Các nước giành được độc lập

Kinh tế kiệt quệ

Đời sống nhân dân khổ cực

Thiếu công cụ và phương tiện sản xuất

Cuối thế kỉ XX

Thu nhập GDP

Cao

TB Trên

TB Dưới

Thấp

Trình độ phát triển kinh tế

Nhóm nước phát triển cao

Nhóm nước Công nghiệp mới

Nhóm nước đang phát triển

Nhóm nước giàu mạnh nhưng trình độ phát triển kt-xh chưa cao

Hiện nay

Nước thu nhập thấp, đời sống đói nghèo chiếm tỉ lệ cao

Phân bố: Đông Nam Á, Nam Á

Bài 8. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á

I. NÔNG NGHIỆP



Hình 8.1. Lược đồ phân bố các cây trồng, vật nuôi ở châu Á

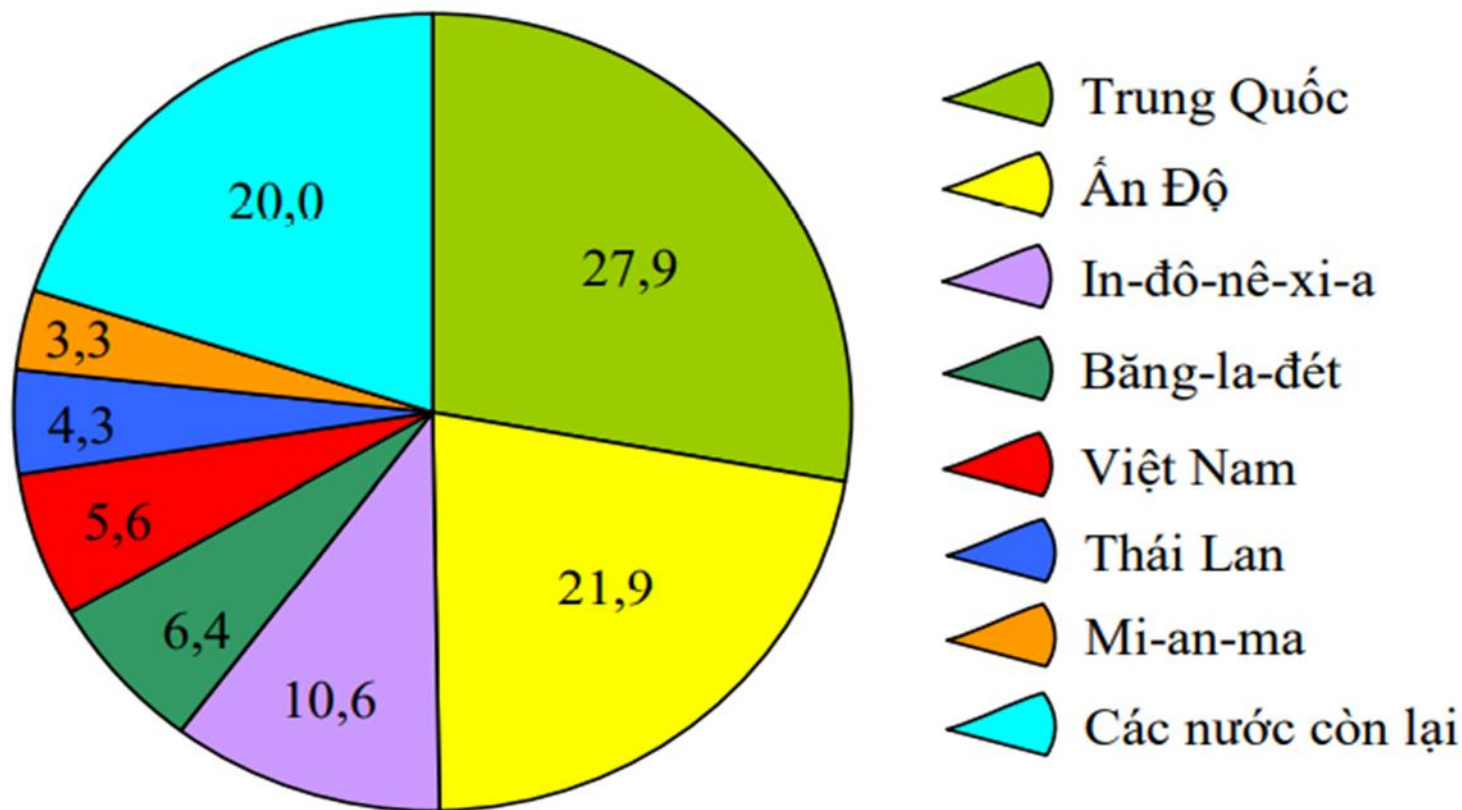
1. Xác định các khu vực: ĐÔNG Á, ĐÔNG NAM Á, NAM Á, TÂY NAM Á, NỘI ĐỊA, BẮC Á

2. Dựa vào hình 8.1 em hãy cho biết: Các nước thuộc khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng, vật nuôi là chủ yếu?

3. Dựa vào hình 8.1 em hãy cho biết: Khu vực Tây Nam Á và các khu vực nội địa có những loại cây trồng, vật nuôi nào phổ biến nhất?

4. Tại sao lúa gạo chỉ tập trung ở khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á?

Dựa vào hình 8.2, em hãy cho biết những nước nào ở châu Á sản xuất nhiều lúa gạo và tỉ lệ so với thế giới là bao nhiêu?



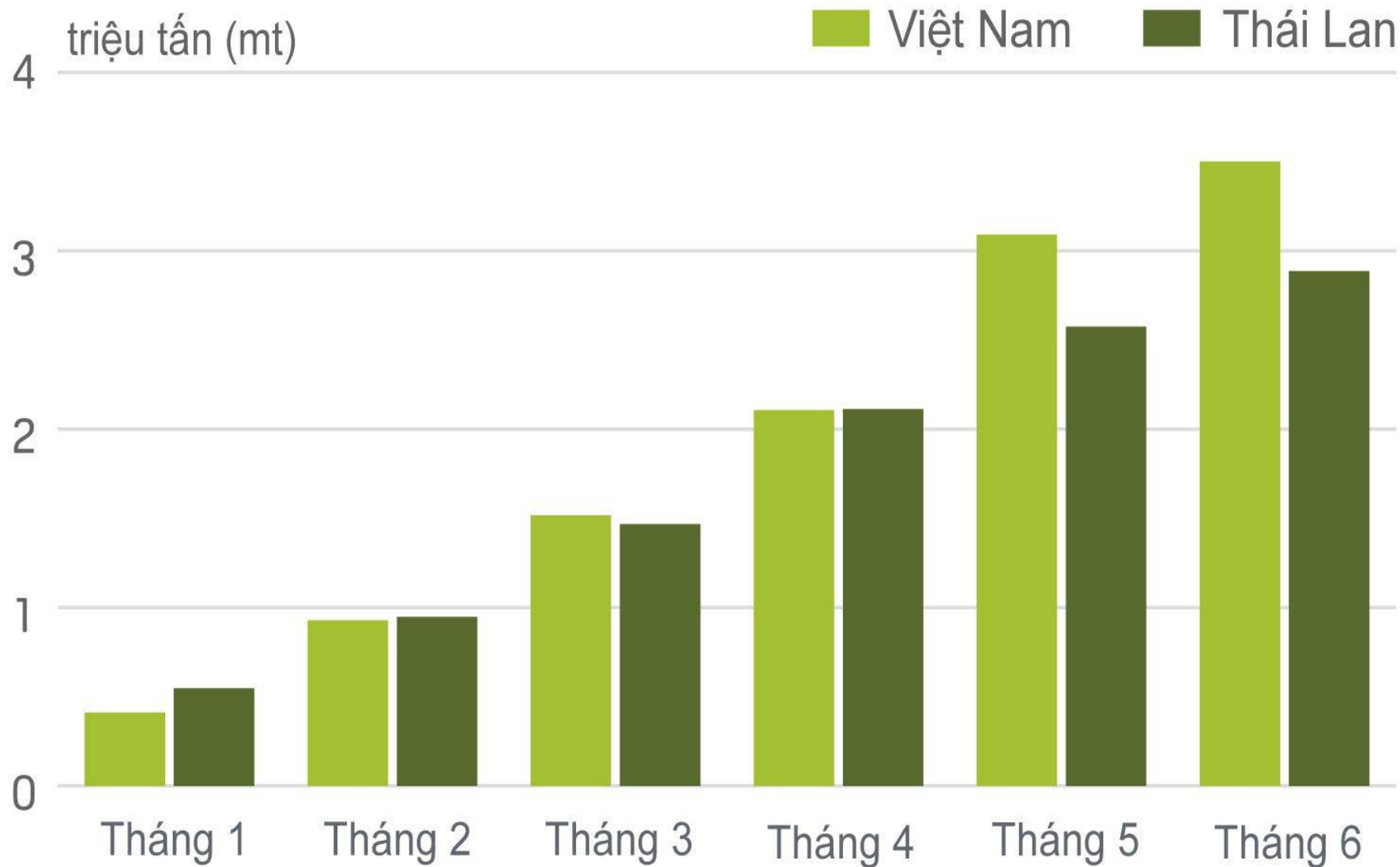
Hình 8.2. Biểu đồ tỉ lệ sản lượng lúa gạo của một số quốc gia Châu Á so với thế giới (%) năm 2017

Thái Lan, Việt Nam hiện nay trở thành những nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ hai thế giới

STT	Quốc gia	Xuất khẩu
1	Thái Lan	10,64
2	Việt Nam	7,00
3	Ấn Độ	4,63
4	Pakistan	3,41
5	Brazil	1,29
6	Campuchia	0,86
7	Uruguay	0,84
8	Myanmar	0,77
9	Argentina	0,73
10	Trung Quốc	0,48

10 quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới năm 2011 (triệu tấn)

XUẤT KHẨU GẠO VIỆT NAM VÀ THÁI LAN H1 2020



Nguồn: Bộ Công Thương Thái Lan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Reuters

1. NÔNG NGHIỆP

- **Nông nghiệp phát triển mạnh ở hai khu vực khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.**
- **Lúa gạo là cây lương thực quan trọng**
- **Trung Quốc, Ấn Độ là những nước sản xuất nhiều lúa gạo.**
- **Thái Lan, Việt Nam là những nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất, thứ hai thế giới**

II. CÔNG NGHIỆP

Em hãy nhận xét về Công nghiệp ở các nước Châu Á?

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

***Những nước nào khai thác than và dầu mỏ nhiều nhất?
Nước nào sử dụng sản phẩm khai thác chủ yếu để xuất khẩu?***

Quốc gia	Sản lượng than (triệu tấn)		Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
	Khai thác	Tiêu dùng	Khai thác	Tiêu dùng
Trung Quốc	1250	1228	161	173,7
Nhật Bản	3,6	132	0,45	214,1
In-đô-nê-xi-a	60,3	14	65,48	45,21
A-rập Xê-út			431,12	92,4
Cô-oét			103,93	43,6
Ấn Độ	297,8	312	32,97	71,5

Bảng 8.1. Sản lượng khai thác than và dầu mỏ ở một số nước châu Á năm 1998

2. CÔNG NGHIỆP

- Sản xuất công nghiệp của các nước châu Á rất đa dạng, phát triển chưa đều.
- Cơ cấu ngành đa dạng: công nghiệp khai khoáng, luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng ...

III. DỊCH VỤ

LIỆT KÊ CÁC LOẠI HÌNH DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN Ở CHÂU Á?



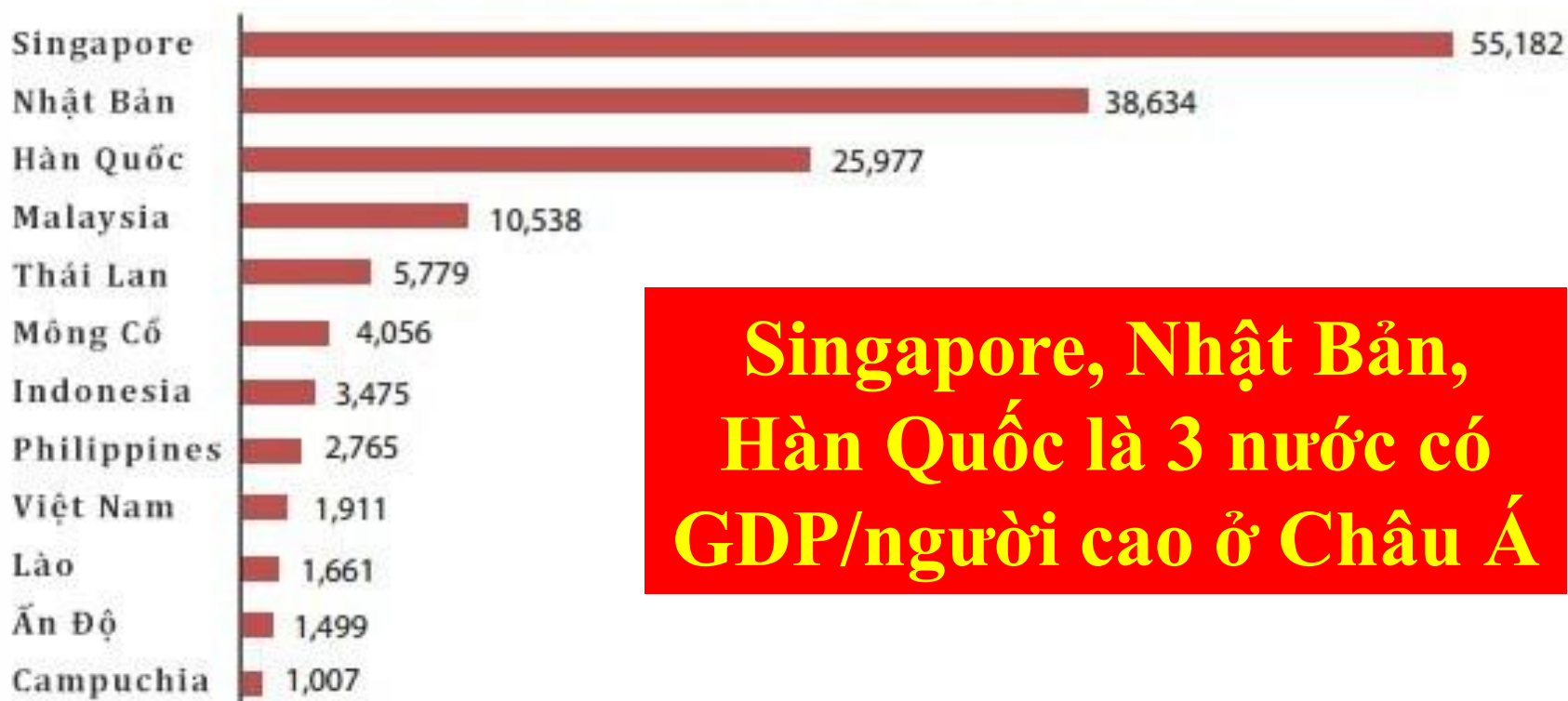
Em hãy cho biết: Tỷ trọng giá trị dịch vụ trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, Hàn Quốc là bao nhiêu?

Quốc gia	Cơ cấu GDP(%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	- 0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	TB trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	TB trên
Trung Quốc	15	52	33	7,3	911,0	TB dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	TB dưới
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

1.4 GDP/NGƯỜI CỦA VIỆT NAM SO VỚI MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

GDP/người giá hiện hành tính theo USD (2013)



**Singapore, Nhật Bản,
Hàn Quốc là 3 nước có
GDP/người cao ở Châu Á**

Nguồn: Số liệu của Ngân hàng Thế giới.

3. DỊCH VỤ

- Dịch vụ ngày càng đa dạng và phát triển rất cao đặc biệt là Xigapo, Nhật Bản, Hàn Quốc.

CẢM ƠN CÁC EM ĐÃ CHÚ Ý LẮNG NGHE

